

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ ÂM NHẠC-MỸ THUẬT

MÔN MỸ THUẬT LỚP 7
(Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 31/12/2021)

Vẽ đề tài tự chọn (2 tiết)

YÊU CẦU

- Các em có thể vẽ các đề tài về gia đình, thể thao, lễ hội, giao thông, nhà trường, lao động, vui chơi, ước mơ.
- Các em vẽ trên khổ giấy A3 và tô màu.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Thầy Hoàng Phương SĐT: 0383871263

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ ÂM NHẠC – MỸ THUẬT

MÔN ÂM NHẠC - KHỐI 7

(Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 25/12/2021)

Tiết 16: ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I

(Các em chỉ viết tựa bài, không cần viết nội dung vì nội dung ôn tập đã viết ở tuần trước rồi)

A. LÝ THUYẾT

Ôn tập các nội dung nhạc lí, thường thức âm nhạc, tên tác giả, nội dung tác phẩm trong chương trình đã học ở HKI.

B. THỰC HÀNH

- Hát kết hợp vận động theo nhạc với động tác phù hợp nội dung, tính chất bài hát.
 - + Mái trường mến yêu
 - + Lí cây đa
 - + Chúng em cần hòa bình
 - + Khúc hát chim sơn ca
- Đọc nhạc kết hợp gõ tiết tấu các bài TĐN:
 - + TĐN số 1
 - + TĐN số 2
 - + TĐN số 3
 - + TĐN số 4
 - + TĐN số 5

Ngày thi học kì I sẽ theo lịch của Phòng Giáo dục, học sinh chờ thông báo cụ thể của giáo viên.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Mai Trâm SĐT: 0909635678

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 7

(Từ ngày 20/12/2021- 25/12/2021)

Văn bản
HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM
SÀI GÒN TÔI YÊU
(Minh Hương)

I. Đọc – Tìm hiểu chú thích

1.Tác giả: Minh Hương

- Quê Quảng Nam đã vào sinh sống ở Sài Gòn trước 1945.
- Thường viết các thể loại: bút kí, tùy bút, tạp văn, phóng sự với những nhận xét tinh tế, dí dỏm và sâu sắc.

2.Tác phẩm:

- Xuất xứ: Bài viết mở đầu tập tùy bút – bút kí “ Nhớ Sài Gòn
- Thể loại:Tùy bút

II. Tìm hiểu văn bản

1.Những ấn tượng chung bao quát về Sài Gòn

** Thành phố 300 năm vẫn trẻ:*

->Cách so sánh khá đa dạng và bất ngờ - Có tác dụng tô đậm cái trẻ trung của Sài Gòn.

=>Thể hiện tình cảm nồng nhiệt của tác giả đối với Sài Gòn.

** Thời tiết và nhịp sống của Sài Gòn:*

-Sớm: nắng ngọt ngào

-Chiều lộng gió nhớ thương, dưới những cơn mưa nhiệt đới bất ngờ

-Trời đang ui ui buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thủy tinh.

->Miêu tả kết hợp với biểu cảm – Làm cho câu văn có hồn và gợi cảm xúc cho người đọc.

=>Cảm nhận tinh tế về sự thay đổi nhanh chóng của thời tiết.

->Sử dụng điệp từ, điệp cấu trúc câu – Nhấn mạnh không khí ồn ào, sôi động của Sài Gòn.

=>Thể hiện 1 tình yêu chân thành, da diết của tác giả đối với Sài Gòn.

2.Đặc điểm cư dân và phong cách người Sài Gòn:

**Đặc điểm cư dân Sài Gòn:*

-Cởi mở, mến khách, dễ hoà hợp.

**Phong cách bản địa của người Sài Gòn:*

-Trung thực, ngay thẳng và tốt bụng.

**Phong cách các cô gái Sài Gòn:*

- Nét đẹp riêng: Nét đẹp trang phục, nét đẹp dáng vẻ, nét đẹp xã giao.
- Vẻ đẹp chung: Giản dị, khỏe mạnh, lễ độ, tự tin.
- > Các vẻ đẹp truyền thống là giá trị bền vững mang bản sắc riêng – Tác giả coi trọng giá trị truyền thống.

**Thành phố ít chim, đông người:*

- Bảo vệ chim, bảo vệ tự nhiên- môi trường và lên án những kẻ vô trách nhiệm, phá hoại tự nhiên - môi trường.

3. Tình yêu với Sài Gòn:

- Tôi yêu Sài Gòn da diết ...
- Vậy đó mà tôi yêu Sài Gòn và yêu...
- > Sử dụng điệp từ – Nhấn mạnh Sài Gòn có những điểm đáng yêu.
- => Yêu quý Sài Gòn đến độ hết lòng, muốn được đóng góp sức mình cho Sài Gòn và mong mọi người hãy đến, hãy yêu Sài Gòn.

III. Tổng Kết

Ghi nhớ (SGK/173)

.....

ÔN TẬP VĂN BẢN BIỂU CẢM

I. Hệ thống hóa kiến thức

1. Khái niệm văn biểu cảm

Văn biểu cảm là văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh và kêu gọi lòng đồng cảm của con người.

2. Đặc điểm của văn biểu cảm

- Nội dung chủ yếu là bộc lộ tình cảm, cảm xúc.
- Tình cảm trong văn biểu cảm thường là những tình cảm trong sáng, tốt đẹp, thấm nhuần tư tưởng nhân văn.
- Có hai cách biểu cảm chủ yếu:
 - Biểu cảm trực tiếp
 - Biểu cảm gián tiếp:
 - + Thông qua miêu tả, tự sự
 - + Thông qua hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng
- Bài văn biểu cảm thường có bố cục 3 phần như các bài văn khác.

3. Cách lập ý cho bài văn biểu cảm

- Liên hệ hiện tại với tương lai
- Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại
- Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn, mong ước
- Quan sát, suy ngẫm

4. Các yếu tố tự sự, miêu tả trong bài văn biểu cảm

- Tự sự và miêu tả đề gợi ra đối tượng đối tượng biểu cảm và gửi gắm cảm xúc.

- Tự sự và miêu tả ở đây nhằm khơi gợi cảm xúc, do cảm xúc chi phối chứ không nhằm mục đích kể chuyện, miêu tả đầy đủ sự việc, phong cảnh.

II. Luyện tập (SGK/168)

Bài 1

So sánh:

- Giống nhau:
 - Cả hai đều sử dụng các biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, điệp...
 - đều sử dụng các phương tiện biểu đạt: miêu tả, tự sự, biểu cảm
- Khác nhau:
 - Văn miêu tả là tái hiện lại để người đọc cảm nhận được nó thông qua việc dùng các chi tiết hình ảnh, để từ đó hình dung ra những đặc điểm, tính chất nổi bật của sự vật sự việc, con người. Phương thức biểu đạt chủ yếu là: miêu tả
 - Văn biểu cảm với mục đích là bày tỏ tư tưởng tình cảm, cảm xúc, thái độ của người nói với đối tượng được nói tới bằng cách miêu tả những đặc điểm, phẩm chất của nó để nói lên suy nghĩ, cảm xúc của mình. Phương thức biểu đạt chủ yếu là: biểu cảm.

Bài 2.

Giống nhau:

- Tự sự và biểu cảm cùng sử dụng các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh, ẩn dụ, liên tưởng và tưởng tượng.
- đều sử dụng các phương thức biểu đạt: miêu tả, bình luận, tự sự, biểu cảm.
- Khác nhau:

- Văn tự sự thiên về trình bày các sự việc có đầu có đuôi, có nguyên nhân, diễn biến và có kết quả nhằm giải thích sự việc, tìm hiểu con người. Phương thức biểu đạt chủ yếu là: tự sự.
- Trong văn biểu cảm, thường không đi sâu vào nguyên nhân, diễn biến kết quả mà chỉ nhớ lại những sự việc trong quá khứ, những sự việc để lại ấn tượng sâu đậm để bộc lộ cảm xúc của bản thân. Phương thức biểu đạt chủ yếu là: biểu cảm.

Bài 3.

Miêu tả và tự sự trong văn miêu tả đóng vai trò làm nền cho người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm của mình về đối tượng được đề cập đến. Nếu yếu tố tự sự có tác dụng làm cho tình tiết thêm hấp dẫn, gây sự tò mò, hứng thú cho người đọc và gợi lên những ý nghĩa sâu xa, thì yếu tố miêu tả lại khơi gợi sức cảm thụ và trí tưởng tượng của người đọc và qua đó làm cho yếu tố biểu cảm trở nên cụ thể, chân thực và sống động hơn.

- Nếu không có tự sự miêu tả thì tình cảm, cảm xúc của người viết sẽ trở nên mơ hồ, thiếu cụ thể, bài viết sẽ không tạo được ấn tượng. Vì vậy ta có thể kết luận: không thể thiếu yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm.
- Những bài ta đã học: “Hoa hải đường”, “Cây sấu Hà Nội”, đều là những ví dụ cụ thể. Hoặc trong bài thơ Bài ca nhà tranh bị gió thu phá của Đỗ Phủ, ông đã kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn yếu tố miêu tả, tự sự và biểu cảm, lấy tự sự và biểu cảm làm phong nền để bộc lộ cảm xúc được sâu sắc.

Bài 4

Các bước thực hiện khi viết bài văn:

- Tìm hiểu đề và tìm ý.
- Lập dàn bài.
- Viết bài.
- Đọc và sửa chữa bài viết.

Tìm ý và sắp xếp ý: Ghi ra giấy những ý cho bài văn và sắp xếp theo 1 trình tự hợp lí

- Mùa xuân là mùa mở đầu của một năm, mùa của cây cối đâm chồi nảy lộc, vạn vật sinh sôi, nảy nở.
- Mùa xuân là mùa mỗi người thêm một tuổi, mở đầu cho những dự định kế hoạch. Mùa xuân còn là biểu tượng của sức sống, của tuổi trẻ.
- Cảm nghĩ của em về ý nghĩa của mùa xuân đối với mỗi người và riêng bản thân em: những dự định tương lai, những mong muốn cho gia đình và quê hương khi mùa xuân tới

Bài 5.

-Để khơi gợi cảm xúc với người đọc, bài văn biểu cảm ngoài yếu tố biểu cảm, miêu tả, tự sự, người viết còn sử dụng các biện pháp tu từ. Điển hình như: so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, nhân hoá, láy, các câu cảm thán. Các biện pháp tu từ đó đã làm cho ngôn ngữ trong văn biểu cảm rất giàu chất thơ, các câu văn thường có nhịp điệu, tạo ra tính nhạc và làm cho bài viết trở nên cân đối, uyển chuyển rất gần gũi với ngôn ngữ của thơ ca.

-Nói ngôn ngữ biểu cảm gần với thơ là hoàn toàn đúng, vì biểu cảm và thơ đều thể hiện cảm xúc của người viết.

.....

NGÀY HỘI ĐỌC SÁCH

I.Sách là gì?

-Theo như Từ điển Tiếng Việt, sách được hiểu là “tập hợp một số lượng nhất định những tờ giấy có chữ in, đóng gộp lại thành quyển”. Nhưng định nghĩa này chưa đủ nói lên tầm ảnh hưởng của sách tới nhân loại.

- Để nói về định nghĩa sách, chắc hẳn mỗi người đều có một định nghĩa riêng của bản thân, nhưng chắc hẳn ai cũng sẽ đồng ý với một số điều sau đây:

- Sách là món ăn tinh thần, đem lại sự thư giãn, thoải mái, truyền cảm hứng cho người đọc, giúp họ cảm thấy thoải mái sau những áp lực cuộc sống.

- Sách có thể coi là một dạng tài liệu, một hình thức tự học đơn giản nhưng vô cùng hiệu quả, tạo điều kiện để chúng ta có cơ hội được học tập nhiều lĩnh vực hơn trong cuộc sống.

- Sách là nơi chứa đựng kiến thức về nhiều ngành nghề, về kinh nghiệm sống, những vấn đề xã hội hay những cảm xúc của tác giả muốn truyền tải đến người đọc.

- Sách là nơi tích lũy kiến thức của nền văn minh toàn thế giới, là nơi lưu trữ những thành tựu, di sản tinh thần của nhân loại.

II. Lợi ích của sách

Một số lợi ích của việc đọc sách:

- Hoàn thiện nhân cách
- Trau dồi kiến thức
- Kích thích não bộ
- Cải thiện khả năng tập trung
- củng cố vốn từ và cách hành văn
- Tăng khả năng tư duy, phân tích, sáng tạo
- Giúp giảm stress

III. Phương pháp đọc sách

Một số phương pháp đọc sách hiệu quả:

- Lựa chọn kỹ trước khi đọc
- Đọc chủ động
- Lựa chọn môi trường và thời gian đọc
- Dành thời gian suy nghĩ
- Chia sẻ trong và sau khi đọc

IV. Giới thiệu sách hay

“Dế Mèn Phiêu Lưu Ký” là một cuốn sách văn học thiếu nhi kinh điển của tác giả Tô Hoài. Tác phẩm kể về cuộc phiêu lưu của một chú Dế Mèn qua thế giới muôn màu, muôn vẻ của những loài vật nhỏ bé. Trong chuyến đi, Dế Mèn đã kết bạn với rất nhiều bạn mới như Dế Choắt, Dế Trũi và rất nhiều nhân vật khác. Mỗi nhân vật có một tính cách và suy nghĩ khác nhau giúp Dế Mèn học được nhiều bài học hay. Tác phẩm mang đậm tính phiêu lưu nhưng ẩn sâu trong đó là những bài học bổ ích.

PHIẾU HỌC TẬP

Em hãy viết đoạn bài văn phát biểu cảm nghĩ về một quyển sách mà em yêu thích.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....

.....
MỌI THẮC MẮC PHHS VÀ HS VUI LÒNG LIÊN HỆ:

Cô Nhung: 0937275455

Cô Tiên: 0916354818

Cô Bảo Ngọc: 0917107355

Cô Phan Thủy: 0977345871

Cô My: 0985738889

Cô Tiên: 0916354818

Cô Bảo Ngọc: 0917107355

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ: THỂ DỤC

MÔN THỂ DỤC KHỐI 7 – TUẦN 16

(Từ 20/12/2021 đến 25/12/2021)

Nội dung: Chạy nhanh: Ôn tư thế xuất phát cao.

Đội hình đội ngũ: Ôn tập một số kỹ năng đã học.

Ôn: Đứng nghỉ - Đứng nghiêm.

Giậm chân tại chỗ - Đứng lại.

Quay Phải – Trái – Đứng sau.

A. Chạy nhanh: Ôn tư thế xuất phát cao

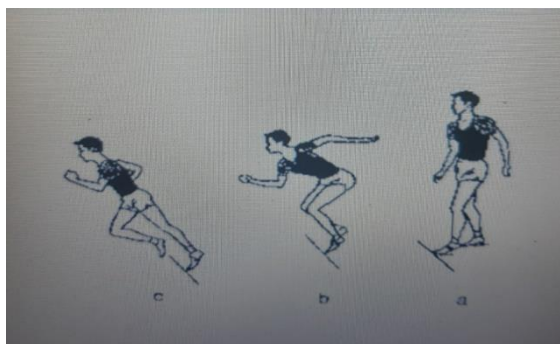
1. **Khởi động:** Thực hiện một số động tác xoay các khớp – căng cơ – ép dẻo.
(Xem clip mẫu – học sinh thực hiện làm theo).
2. Chạy nhanh: Ôn tư thế xuất phát cao

Tư thế xuất phát cao:

+ Khi nghe lệnh “vào chỗ” người chạy tiến đến vạch xuất phát đứng chân trước chân sau, trọng tâm dồn vào chân trước, chân sau kiễng gót, hai tay buông tự nhiên, mắt nhìn thẳng phía trước.

+ Khi nghe lệnh “sẵn sàng” thân trên cúi về trước, khuỷu gối, chân này tay kia, mắt nhìn trước 2 - 3m.

+ Khi nghe lệnh “chạy” thì chân sau bước về trước một bước đánh tay tự nhiên và chạy về phía trước đến khi về vạch đích.



B. **Đội hình đội ngũ:** Ôn tập một số kỹ năng đã học.

(Xem clip mẫu – Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện làm theo).

+ **Đứng nghỉ - Đứng nghiêm.** (Học sinh ôn luyện theo clip đã gửi).

+ **Giậm chân tại chỗ.** (Học sinh ôn luyện theo clip đã gửi).

+ **Quay phải (Quay trái):**

- Khẩu lệnh: “ Bên phải (hoặc bên trái)... quay !”.
- Động tác: Khi quay bên phải, lấy gót chân phải và nửa bàn chân trái làm trụ, quay người 90 độ sang phải, hai tay áp nhẹ vào hai bên đùi. Quay xong đưa bàn chân trái về với chân phải thành tư thế đứng nghiêm.
- Khi quay sang trái, lấy gót chân trái và nửa bàn chân phải làm trụ, Quay xong, đưa bàn chân phải về với chân trái thành tư thế đứng nghiêm.
- Chú ý: Khi quay giữ người thẳng, ngay ngắn.

+ **Quay đằng sau:**

- Khẩu lệnh: “Đằng sau... quay !”.
- Động tác: Lấy gót chân phải và nửa trên bàn chân trái làm trụ, quay người qua phải ra sau 180 độ, sau đó rút chân trái về với chân phải thành tư thế đứng nghiêm. Khi quay, thân người thẳng, hai tay duỗi thẳng, hai bàn tay áp nhẹ vào hai bên đùi.
- Chú ý: Khi quay đằng sau, không bước một chân ra sau.

Phiếu học tập: *Các em về nhà xem tài liệu và clip mẫu của bài “Đội hình – Đội ngũ”, nhớ tập luyện thường xuyên các đã học: Đứng “Nghỉ - Nghiêm”. Giậm chân tại chỗ - Đứng lại.*

Các em ôn và tập luyện tư thế xuất phát cao để thi học kì I.

Các em trả lời câu hỏi:

Câu 1: Em hãy trình bày tư thế xuất phát cao.

Câu 2: Em hãy trình bày động tác “Quay phải (Quay trái)”.

-HẾT-

MÔN CÔNG NGHỆ 7
GV: TRƯƠNG THỊ BÍCH HIỀN – ĐT 0908902771
Tuần 16 Từ 20/12 đến 25/12

TIẾT 16 BÀI 15: LÀM ĐẤT VÀ BÓN PHÂN LÓT

I/ LÀM ĐẤT NHẪM MỤC ĐÍCH GÌ

- Làm cho đất tơi xốp, thoáng khí.
- Tăng khả năng giữ nước, chất dinh dưỡng.
- Diệt trừ cỏ dại, mầm mống sâu bệnh hại cây.

II/ CÁC CÔNG VIỆC LÀM ĐẤT

1/ Cày đất

Là xáo trộn lớp đất mặt ở độ sâu 20-30cm

Làm cho đất tơi xốp, thoáng khí và vùi lấp cỏ dại

2/ Bừa và đập đất

Làm nhỏ đất, thu gom cỏ dại trong ruộng, trộn đều phân và san phẳng mặt ruộng

3/ Lên luống

Để dễ chăm sóc, chống ngập úng và tạo tầng đất dày cho cây sinh trưởng, phát triển

Việc lên luống tiến hành theo quy trình sau:

- Xác định hướng luống
- Xác định kích thước luống
- Đánh rãnh, kéo đất tạo luống
- Làm phẳng mặt luống

III/ BÓN PHÂN LÓT

Sử dụng phân hữu cơ và phân lân để bón lót theo quy trình:

- Rải phân lên mặt ruộng hay theo hàng, hốc
- Cày, bừa hay lấp đất để vùi phân xuống dưới

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ ĐỊA

MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 7
(Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 25/12/2021)

Tiết 31, 32: ÔN TẬP CHƯƠNG 6

Câu 1: Châu Phi là châu lục lớn thứ 3 sau:

- A. Châu Á và châu Âu.
- B. Châu Á và châu Mỹ.
- C. Châu Âu và châu Mỹ.
- D. Châu Mỹ và châu Nam Cực.

Câu 2: Bao bọc châu Phi là các đại dương và biển:

- A. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Địa Trung Hải, Biển Đỏ.
- B. Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Địa Trung Hải, Biển Đỏ.
- C. Đại Tây Dương, Bắc Băng Dương, Địa Trung Hải, Biển Đỏ.
- D. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Biển Đen, Biển Đỏ.

Câu 3: Đặc điểm không phải của đường bờ biển châu Phi là:

- A. Ít bán đảo và đảo
- B. Ít vịnh biển.
- C. Ít bị chia cắt
- D. Có nhiều bán đảo lớn.

Câu 4: Dạng địa hình chủ yếu ở châu Phi là:

- A. Bồn địa và sơn nguyên.
- B. Sơn nguyên và núi cao.
- C. Núi cao và đồng bằng.
- D. Đồng bằng và bồn địa.

Câu 5: Hai bán đảo lớn nhất của châu Phi là:

- A. Ma-đa-ga-xca và Xô-ma-li.
- B. Ma-đa-ga-xca và Trung Ấn.
- C. Xô-ma-li và Xca-đi-na-vi.
- D. Xca-đi-na-vi và Ban-Căng.

Câu 6: Châu Phi nối liền với châu Á bởi eo đất:

- A. Pa-na-ma
- B. Xuy-e
- C. Man-sơ
- D. Xô-ma-li

Câu 7: Châu Phi có những loại khoáng sản chủ yếu nào?

- A. Vàng, kim cương, uranium, sắt, đồng và phốt phát.
- B. Dầu mỏ, khí đốt, đồng, vàng, kim cương và manga.
- C. Vàng, kim cương, chì, đồng, sắt, apatit và uranium.
- D. Dầu mỏ, vàng, đồng, kim cương, apatit và sắt.

Câu 8: Sông dài nhất châu Phi là:

- A. Nin.
- B. Ni-giê.
- C. Dăm-be-di.
- D. Công-gô.

Câu 9: Châu Phi có khí hậu nóng do:

- A. Đại bộ phận lãnh thổ nằm ngoài hai đường chí tuyến.
- B. Đại bộ phận lãnh thổ nằm giữa hai đường chí tuyến.
- C. Có nhiều hoang mạc và bán hoang mạc.
- D. Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các dòng biển nóng ven bờ.

Câu 10: Lượng mưa trung bình năm dưới 200mm phân bố ở:

- A. Bắc Phi và rìa phía Tây Nam của châu Phi
- B. Cực Nam của châu Phi và phía Bắc của vịnh Ghi-nê.
- C. Hoang mạc Xa-ha-ra và hoang mạc Na-mip.
- D. Tây Phi, Trung Phi và rìa phía đông của châu Phi.

Câu 11: Đặc điểm khí hậu của châu Phi là:

- A. Nóng và khô bậc nhất thế giới.
- B. Nóng và ẩm bậc nhất thế giới,
- C. Khô và lạnh bậc nhất thế giới.
- D. Lạnh và ẩm bậc nhất thế giới.

Câu 12: Hoang mạc Xa-ha-ra là hoang mạc có diện tích rộng:

- A. Lớn nhất thế giới
- B. Lớn thứ hai thế giới
- C. Lớn thứ 3 thế giới
- D. Lớn thứ 4 thế giới

Câu 13: Càng xa xích đạo lượng mưa càng giảm, rừng rậm nhường chỗ cho rừng thưa và xavan cây bụi là đặc điểm của môi trường:

- A. Xích đạo ẩm
- B. Nhiệt đới
- C. Hoang mạc
- D. Địa Trung Hải

Câu 14: Châu Phi không có hoang mạc, sa mạc nào sau đây?

- A. Hoang mạc Xa-ha-ra.
- B. Hoang mạc Na-míp.
- C. Hoang mạc Ca-la-ha-ri.
- D. Sa mạc Gô-bi.

Câu 15: Tại sao miền duyên hải phía Bắc vịnh Ghi-nê và khu vực bồn địa Công-gô có lượng mưa rất lớn?

- A. Nằm trong vòng nội chí tuyến, có đường xích đạo chạy qua.
- B. Chịu ảnh hưởng của dòng biển nóng Ghi-nê.
- C. Chịu ảnh hưởng của dòng biển lạnh Ca-na-ri và Ben-ge-la.
- D. Nằm ở phía Tây châu Phi, có nhiều dạng địa hình.

Câu 16: Dân cư châu Phi phân bố thưa thớt ở:

- A. Hoang mạc Xa-ha-ra.
- B. khu vực Nam Phi.
- C. Ven vịnh Ghi-nê.
- D. Trung tâm bán đảo Ma-đa-ga-xca.

Câu 17: Dân cư châu Phi tập trung đông đúc ở:

- A. Vùng rừng rậm xích đạo.
- B. Hoang mạc Xa-ha-ra.
- C. Vùng duyên hải cực Bắc và cực Nam
- D. Hoang mạc Ca-la-ha-ri.

Câu 18: Nguyên nhân khiến hàng chục triệu người ở châu Phi thường xuyên bị nạn đói đe dọa là:

- A. Sự thống trị của các nước chủ nghĩa thực dân.
- B. Bùng nổ dân số và hạn hán.
- C. Đại dịch AIDS, dịch bệnh đe dọa.
- D. Xung đột sắc tộc.

Câu 19: Đặc điểm kinh tế nhiều nước châu Phi là:

- A. Nền kinh tế hàng hóa.
- B. Nền kinh tế thị trường.
- C. Nền kinh tế tự cấp, tự túc.
- D. Nền kinh tế phụ thuộc.

Câu 20: Đâu không phải nguyên nhân chủ yếu kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu Phi là:

- A. Bùng nổ dân số.
- B. Xung đột tộc người.
- C. Sự can thiệp của nước ngoài.
- D. Hạn hán, lũ lụt.

Câu 21: Tại sao các đô thị và dân cư phân bố chủ yếu ở các vùng ven biển?

- A. Các điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- B. Có dòng biển nóng và dòng biển lạnh.
- C. Có đất đai màu mỡ.
- D. Khí hậu ẩm áp, nhiều sông ngòi.

Câu 22: Châu Phi có những cây lâu năm chủ yếu:

- A. Chè, cà phê, cao su và điều.
- B. Ca cao, cà phê, cọ dầu, chè, bông.
- C. Cà phê, chè, điều, bông và cọ dầu.
- D. Ca cao, cà phê, cao su, tiêu, điều và chè.

Câu 23: Hình thức canh tác chủ yếu ở châu Phi là:

- A. Chuyên môn hóa sản xuất.
- B. Đa dạng hóa cây trồng hướng ra xuất khẩu.
- C. Làm nương rẫy phổ biến, kỹ thuật lạc hậu.
- D. Sử dụng công nghệ cao trong sản xuất.

Câu 24: Chăn nuôi ở châu Phi theo hình thức:

- A. Chăn thả.
- B. Bán công nghiệp.
- C. Công nghiệp.
- D. Công nghệ cao.

Câu 25: Hoạt động công nghiệp chính ở châu Phi là:

- A. Chế biến lương thực, thực phẩm.
- B. Khai thác khoáng sản.
- C. Khai thác và chế biến gỗ
- D. Khai thác rừng và chế biến lâm sản.

Câu 26: Tại sao các hoạt động luyện kim, hóa chất, sản xuất ô tô chủ yếu phân bố ở phía Nam của châu Phi?

- A. Có các được giải phóng độc lập đầu tiên.
- B. Chính sách phân bố sản xuất công nghiệp của châu lục.
- C. Giàu tài nguyên khoáng sản.
- D. Có các điều kiện tự nhiên thuận lợi.

Câu 27: Các nước châu Phi xuất khẩu chủ yếu:

- A. Khoáng sản và nguyên liệu chưa chế biến.
- B. Khoáng sản và máy móc.
- C. Máy móc, thiết bị và hàng tiêu dùng.
- D. Nguyên liệu chưa qua chế biến và hàng tiêu dùng

Câu 28: Các nước châu Phi nhập khẩu chủ yếu:

- A. Khoáng sản và nguyên liệu chưa chế biến.
- B. Khoáng sản và máy móc.
- C. Máy móc, thiết bị và hàng tiêu dùng.
- D. Nguyên liệu chưa qua chế biến và hàng tiêu dùng.

Câu 29: Một số nước châu Phi có ngành du lịch khá phát triển, tiêu biểu là:

- A. Ma-rôc, Tuy-ni-di.
- B. Nam Phi, Ê-ti-ô-pi-a.
- C. Công-gô, Tan-da-ni-a
- D. Kê-ni-a, Ai Cập.

Câu 30: Tốc độ đô thị hóa ở châu Phi khá nhanh nhưng không tương xứng với:

- A. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- B. Trình độ phát triển công nghiệp.
- C. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. Sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Câu 31: Các loại nông sản xuất khẩu chủ yếu của châu Phi là:

- A. Cà phê, ca cao, cọ dầu.
- B. Cà phê, bông, lương thực.
- C. Lương thực, ca cao, cọ dầu, lạc.
- D. Gạo, ca cao, cà phê, cọ dầu.

Câu 32: Việc xây dựng các tuyến đường sắt ở châu Phi chủ yếu nhằm vào mục đích:

- A. Thuận lợi cho việc nhập khẩu hàng hoá tiêu dùng.
- B. Tiện xuất khẩu lâm sản, khoáng sản.
- C. Phục vụ cho việc phát triển kinh tế nội địa.
- D. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế vùng ven biển.

Câu 33: Tại sao ở châu Phi có bùng nổ dân số đô thị?

- A. Gia tăng dân số tự nhiên cao, di dân ồ ạt vào thành phố.
- B. Di dân ồ ạt vào các thành phố lớn.
- C. Kinh tế ở các đô thị phát triển mạnh.
- D. Sự phát triển đa dạng của ngành dịch vụ ở đô thị.

Câu 34: Dãy núi Át-lát là dãy núi trẻ duy nhất ở châu Phi. Dãy núi á-t-lát nằm ở:

- A. Nằm ở rìa phía tây bắc của châu lục.

- B. Nằm ở rìa phía tây nam của châu lục.
- C. Nằm ở rìa phía đông nam của châu lục.
- D. Nằm ở rìa phía đông bắc của châu lục.

Câu 35: Phía Nam của khu vực Bắc Phi là hoang mạc:

- A. Na-míp.
- B. Xa-ha-ra.
- C. Ca-la-ha-ri.
- D. Go-bi.

Câu 36: Trên các sơn nguyên của Trung Phi hình thành kiểu “xavan công viên” độc đáo do:

- A. Có nhiều cảnh quan đẹp.
- B. Khí hậu mát mẻ quanh năm.
- C. Có nhiều cây bụi, công viên.
- D. Địa hình có sự phân bậc độc đáo.

Câu 37: Nét độc đáo của địa hình Nam Phi là:

- A. Đại bộ phận là sơn nguyên cao trên 1000m.
- B. Có thảm thực vật của vùng ôn đới.
- C. Ven biển có nhiều đồng bằng thấp.
- D. Giới động vật rất nghèo nàn.

Câu 38: Dãy núi lớn nhất ở Nam Phi là:

- A. Đrê-ken-bec.
- B. Át-lát.
- C. Đông Phi.
- D. Công-gô.

Câu 39: Dải đất hẹp cực Nam của Nam Phi có khí hậu:

- A. Nhiệt đới.
- B. Địa Trung Hải.
- C. Cận nhiệt đới.
- D. Ôn đới hải dương.

Câu 40: Loại khoáng sản rất có giá trị trữ lượng lớn ở Nam Phi là:

- A. Uranium.
- B. Chì.
- C. Vàng.
- D. Kim cương.

Câu 41: Nét tương đồng về đặc điểm tự nhiên hai vùng ven biển Bắc và Nam Phi chính là:

- A. Khí hậu.
- B. Tài nguyên khoáng sản.
- C. Tiềm năng lâm sản.
- D. Độ cao địa hình.

Câu 42: Tại sao phần phía đông của Nam Phi có thời tiết quanh năm nóng, ẩm và mưa tương đối nhiều?

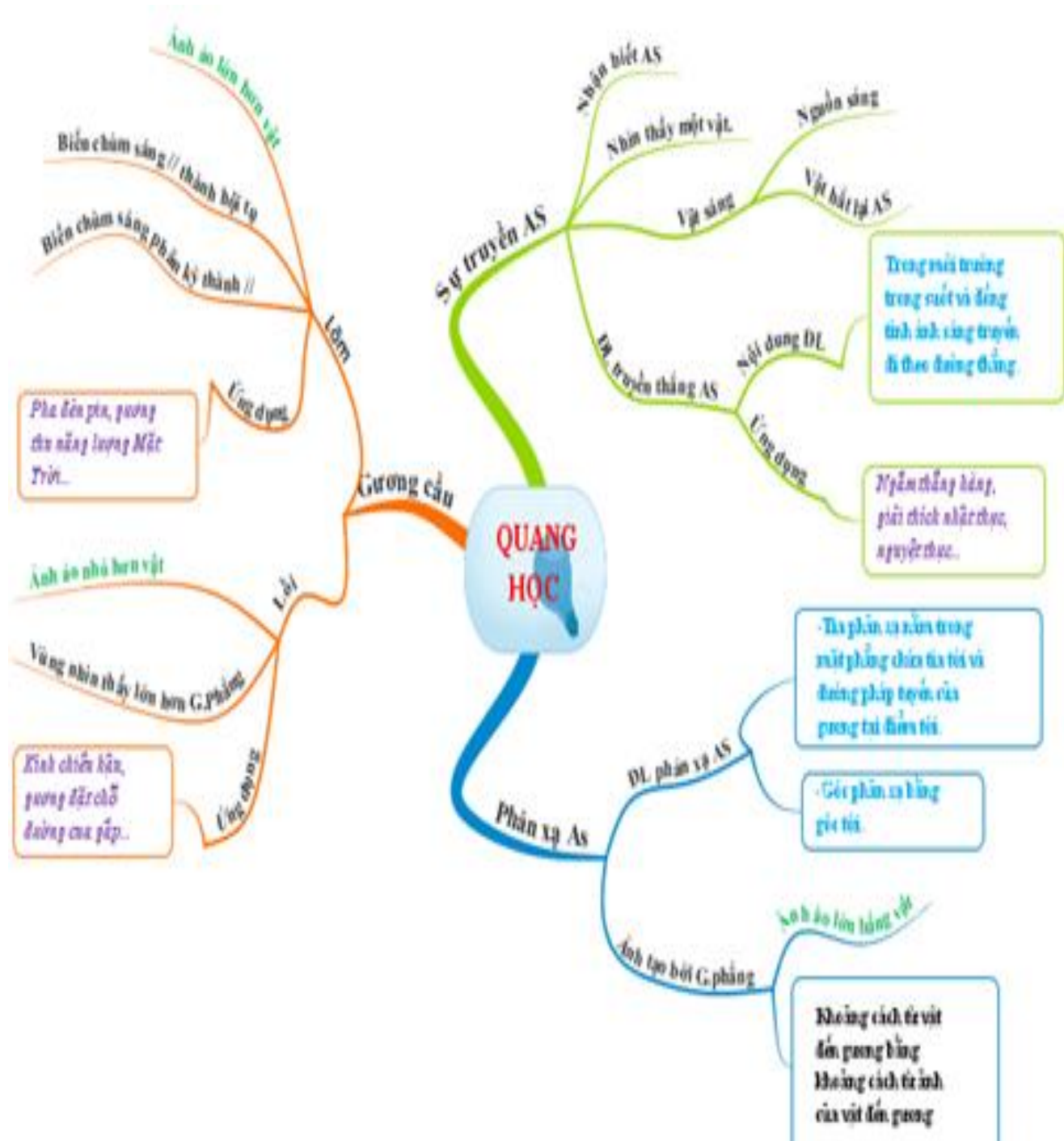
- A. Có đường chí tuyến nam chạy qua.
- B. Ảnh hưởng của dòng biển nóng và gió đông nam.
- C. Ảnh hưởng của dòng biển lạnh và gió bắc.
- D. Nằm trong vùng khí hậu xích đạo ẩm.

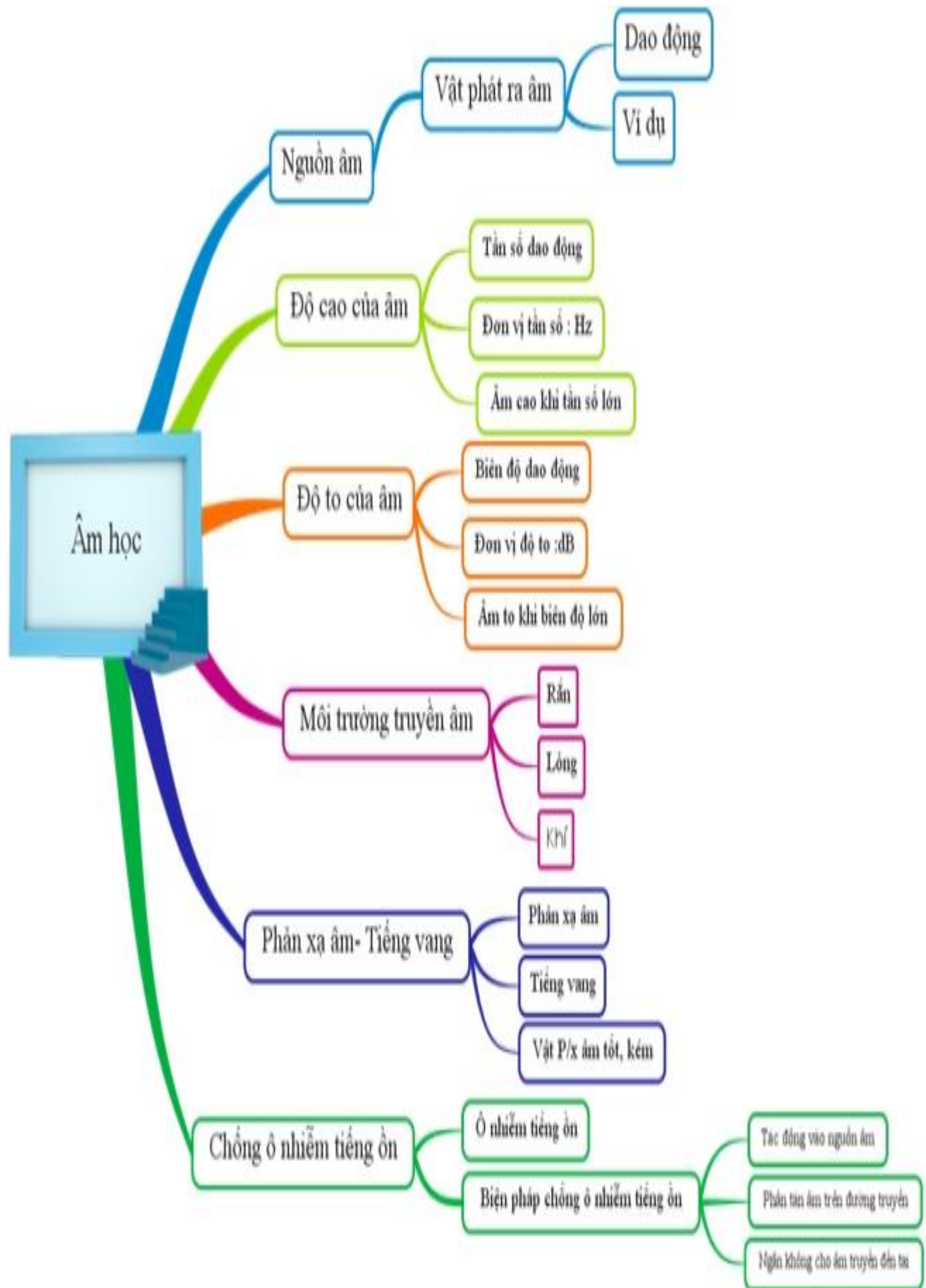
Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Nguyễn Thị Ngọc Tơ

-SĐT: 0933773181

A. LÝ THUYẾT





B. BÀI TẬP

Câu 1: Đặc điểm chung nhất của các nguồn âm là gì?

- A. Điều cứng
- B. Điều hấp thụ âm tốt
- C. Điều phản xạ âm tốt
- D. Điều dao động

Câu 2: Một người đang nói. Khi này, bộ phận dao động phát ra âm thanh là gì?

- A. Dây thanh quản
- B. Khí quản
- C. Dây thanh đới
- D. Cái miệng

Câu 3: Trong các cơn mưa dông, khi có sét ta thấy tia chớp và nghe được tiếng sấm. Vật dao động phát ra tiếng sấm là gì?

- A. Đám mây phía trên tia sét
- B. Không khí xung quanh tia sét
- C. Tia chớp
- D. Mặt đất phía dưới tia sét

Câu 4: Chọn câu đúng

- A. Tần số là số dao động trong 1 giây
- B. Tần số là số dao động trong 1 phút
- C. Tần số là số lần vật dao động qua lại vị trí cân bằng
- D. Tần số là độ lệch lớn nhất của vật dao động so với vị trí cân bằng

Câu 5: Đơn vị của tần số là gì?

- A. deciben (dB)
- B. mét trên giây (m/s)
- C. giây (s)
- D. héc (Hz)

Câu 6: Âm nghe được càng trầm khi nào?

- A. Tần số dao động càng lớn
- B. Tần số dao động càng nhỏ
- C. Số lần dao động trong 1 giây càng nhiều

D. Thời gian của 1 lần dao động càng ngắn

Câu 7: Tần số vỗ cánh khi bay của con ruồi khoảng 350 Hz, của con muỗi khoảng 600 Hz. Câu phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Khi bay con ruồi phát ra âm cao hơn con muỗi
- B. Khi bay con ruồi phát ra âm thấp hơn con muỗi
- C. Khi bay con ruồi phát ra âm to hơn con muỗi
- D. Khi bay con ruồi phát ra âm nhỏ hơn con muỗi

Câu 8: Nguồn âm A thực hiện 200 dao động trong 5 giây. Tần số dao động của nguồn âm A là bao nhiêu?

- A. 80 Hz
- B. 40 Hz
- C. 80 dB
- D. 40 dB

Câu 9: Nguồn âm B dao động 180 lần trong 6 giây. Tần số dao động của nguồn âm B là bao nhiêu?

- A. 30 Hz
- B. 60 Hz
- C. 30 dB
- D. 60 dB

Câu 10: Nguồn âm C thực hiện 9600 dao động trong 2 phút. Tần số dao động của nguồn âm C là bao nhiêu?

- A. 60 Hz
- B. 80 Hz
- C. 100 Hz
- D. 120 Hz

Câu 11: Âm thanh được tạo ra nhờ đâu?

- A. Nhiệt
- B. Điện
- C. Ánh sáng
- D. Dao động

Câu 12: Kết luận nào sau đây là sai?

- A. Tai của người nghe được hạ âm và siêu âm.
- B. Hạ âm là những âm thanh có tần số nhỏ hơn 20Hz.
- C. Máy phát siêu âm là máy phát ra âm thanh có tần số lớn hơn 20000Hz.
- D. Một số động vật có thể nghe được âm thanh mà tai người không nghe được.

Câu 13: Khi vật dao động lệch khỏi vị trí cân bằng càng ít thì:

- A. Tần số dao động càng lớn
- B. Tần số dao động càng nhỏ
- C. Biên độ dao động càng lớn
- D. Biên độ dao động càng nhỏ

Câu 14: Biên độ dao động của nguồn âm càng lớn thì âm phát ra như thế nào?

- A. Âm phát ra càng to
- B. Âm phát ra càng nhỏ
- C. Âm phát ra càng thấp
- D. Âm phát ra càng cao

Câu 15: Một bạn gảy vào một sợi dây đàn. Khi bạn gảy nhẹ rồi gảy mạnh, yếu tố nào sau đây không thay đổi?

- A. Biên độ dao động
- B. Tần số dao động
- C. Độ to của âm mà ta nghe được
- D. Độ mạnh của âm mà ta nghe được

Câu 16: Trong một buổi lễ, một thầy giáo đang đánh trống trên sân trường. Bạn học sinh A đứng gần trống, còn bạn học sinh B đứng xa trống hơn. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Vì ở xa hơn nên bạn B nghe được âm bổng hơn so với bạn A
- B. Vì ở xa hơn nên bạn B nghe được âm trầm hơn so với bạn A
- C. Vì nghe âm phát ra từ cùng một chiếc trống nên hai bạn nghe được âm có độ to như nhau
- D. Vì ở xa hơn nên bạn B nghe được âm nhỏ hơn so với bạn A

Câu 17: Đơn vị đo độ to của âm là gì?

- A. deciben (dB)
- B. mét trên giây (m/s)
- C. giây (s)
- D. héc (Hz)

Câu 18: Vận tốc truyền âm trong các môi trường được sắp xếp theo thứ tự tăng dần nào đúng nhất?

- A. Rắn, lỏng, khí
- B. Lỏng, khí, rắn
- C. Khí, lỏng, rắn
- D. Rắn, khí, lỏng

Câu 19: Trong các môi trường sau, môi trường nào không thể truyền được âm?

- A. Tấm nhựa
- B. Chân không
- C. Nước sôi
- D. Cao su

Câu 20: Trong một lần đứng xem bắn pháo hoa ở một nơi khá xa vị trí bắn. Một người nhìn thấy pháo hoa nổ trên trời 4 giây thì nghe được tiếng nổ. Biết tốc độ truyền âm trong không khí là 340 m/s. Hỏi nơi bắn pháo hoa cách người quan sát bao xa?

- A. 600 m
- B. 620 m
- C. 650 m
- D. 680 m

Câu 21: Để đo độ sâu của biển người ta dùng sóng siêu âm. Thời gian phát ra âm để khi nhận được âm phản xạ là 12 giây. Biết tốc độ truyền âm trong nước là 1500m/s. Tính độ sâu của đáy biển nơi đó?

- A. 8000 m
- B. 9000 m
- C. 3000 m
- D. 6000 m

Câu 22: Âm truyền nhanh nhất trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Nước
- B. Sắt
- C. Khí oxygen
- D. Chân không

Câu 23: Ta có thể nghe thấy tiếng vang khi nào?

- A. Âm phản xạ đến tai ta trước âm phát ra.
- B. Âm trực tiếp đến sau âm phản xạ.
- C. Âm phát ra và âm phản xạ đến tay ta cùng một lúc.
- D. Âm phản xạ đến sau âm trực tiếp thời gian ngắn nhất $1/15$ giây.

Câu 24: Âm phản xạ là gì?

- A. Âm dội lại khi gặp vật chắn.
- B. Âm truyền đi qua vật chắn.
- C. Âm đi vòng qua vật chắn.
- D. Các loại âm trên.

Câu 25: Vật liệu nào dưới đây thường không được dùng làm vật ngăn cách âm giữa các phòng?

- A. Tường bê tông
- B. Cửa kính hai lớp
- C. Tấm rèm vải
- D. Cửa gỗ

Câu 26: Vật liệu nào sau đây phản xạ âm kém hơn những vật liệu còn lại?

- A. Tấm kim loại phẳng
- B. Tấm kính
- C. Miếng xốp
- D. Bê tông

Câu 27: Trường hợp nào sau đây là có ô nhiễm tiếng ồn?

- A. Tiếng còi ô tô, còi tàu hỏa nghe thấy khi đi trên đường.
- B. Âm thanh phát ra từ loa ở buổi hòa nhạc, ca nhạc.
- C. Tiếng nô đùa của học sinh trong giờ ra chơi.
- D. Tiếng máy cày làm liên tục trên ruộng khi gần lớp học.

Câu 28: Trường hợp nào sau đây không gây ô nhiễm tiếng ồn?

- A. Gần đường ray xe lửa
- B. Gần sân bay
- C. Gần hồ cá nhỏ
- D. Gần đường cao tốc

Câu 29: Khi âm truyền đến tai người, bộ phận dao động giúp ta cảm nhận được âm thanh là gì?

- A. Vành tai
- B. Ống tai
- C. Màng nhĩ
- D. Vòi nhĩ

Câu 30: Trong nhiều phòng hòa nhạc, phòng chiếu bóng, phòng ghi âm người ta thường làm tường sần sùi và treo rèm nhung để làm gì?

- A. Giảm tiếng vang
- B. Tăng tiếng vang
- C. Âm bổng hơn
- D. Âm trầm hơn

Câu 31: Ta nhận biết được ánh sáng khi nào?

- A. Đang là ban ngày.
- B. Có một nguồn sáng đặt trước mắt.
- C. Khi có ánh sáng truyền vào mắt ta.
- D. Ta đang mở mắt.

Câu 32: Trong một căn phòng hoàn toàn đóng kín, ta có thể nhìn thấy đồ vật trong phòng khi nào?

- A. Ban đêm, bật đèn, có ánh trắng, nhưng nhắm mắt.
- B. Ban đêm, bật đèn, không có ánh trắng, nhưng nhắm mắt.
- C. Ban đêm, không bật đèn, không có ánh trắng, nhưng mở mắt.
- D. Ban đêm, bật đèn, mở mắt.

Câu 33. Vật nào dưới đây là nguồn sáng?

- A. Tấm gương.
- B. Mặt Trăng.
- C. Hồ nước.
- D. Cây nến đang cháy.

Câu 34. Có các loại chùm sáng nào?

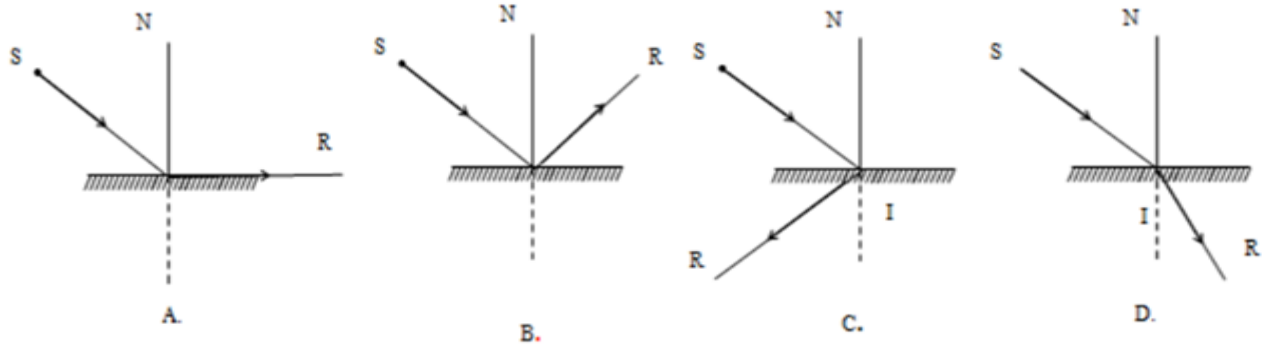
- A. Chùm sáng hội tụ, phân kỳ, song song.
- B. Chùm sáng song song, hội tụ.
- C. Chùm sáng hội tụ, phân kỳ.
- D. Chùm sáng hội tụ, phân kỳ, cắt ngang.

Câu 35. Trên hình vẽ biểu diễn một tia sáng, mũi tên cho ta biết điều gì?



- A. Ánh sáng đang chuyển động
- B. Ánh sáng mạnh hay yếu
- C. Ánh sáng truyền đi nhanh hay chậm
- D. Hướng truyền của ánh sáng

Câu 36. Hình vẽ nào sau đây mô tả đúng định luật phản xạ ánh sáng?



- A. Hình A
- B. Hình B
- C. Hình C
- D. Hình D

Câu 37. Chiếu tia sáng SI đến gương phẳng và hợp với gương một góc 45° . Số đo góc phản xạ khi đó là bao nhiêu?

- A. 35°
- B. 55°
- C. 65°
- D. 45°

Câu 38. Khi tia tới vuông góc với mặt gương phẳng thì góc phản xạ có giá trị bằng bao nhiêu?

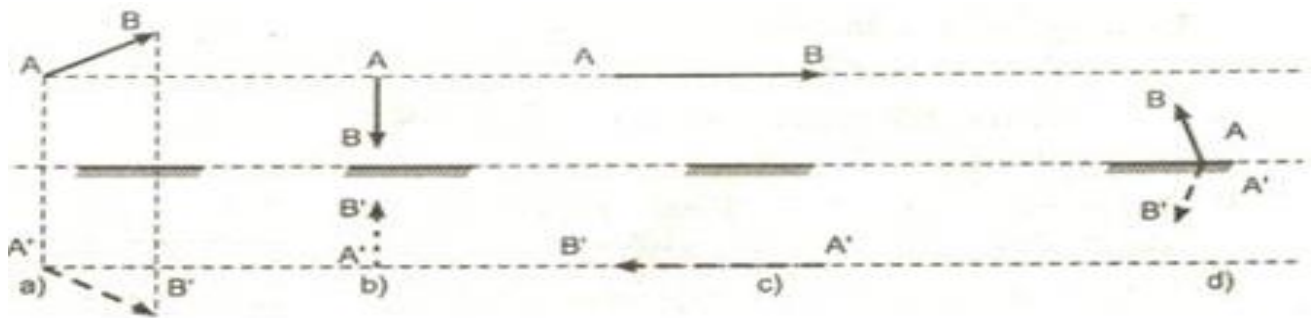
- A. 90°
- B. 180°
- C. 0°

D. 45°

Câu 39. Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng là ảnh gì?

- A. Ảnh ảo, hứng được trên màn.
- B. Ảnh ảo, nhỏ hơn vật.
- C. Ảnh ảo, lớn bằng vật.
- D. Ảnh ảo, lớn hơn vật.

Câu 40. Trong các hình vẽ dưới đây, AB là vật sáng; A'B' là ảnh của nó do gương phẳng tạo ra. Hỏi hình nào sai?

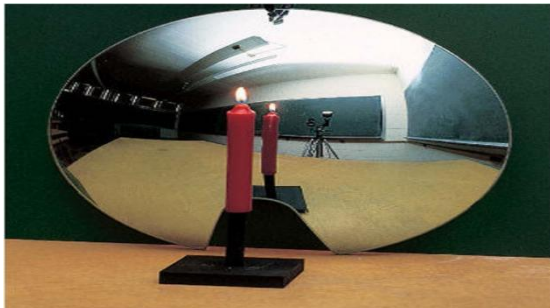


- A. Hình a
- B. Hình b
- C. Hình c
- D. Hình d

Câu 41. Nếu người đứng cách gương phẳng một khoảng 25cm. Hỏi ảnh của người đó cách người đó một khoảng bao nhiêu?

- A. 40 cm
- B. 50 cm
- C. 60 cm
- D. 25 cm

Câu 42. Quan sát hình bên dưới. Cho biết đây là loại gương gì?



- A. Gương cầu lồi.
- B. Gương cầu lõm.
- C. Gương phẳng.
- D. Gương phản chiếu.

Câu 43. So sánh nào sau đây về gương phẳng và gương cầu lồi là sai?

- A. Ảnh của vật sáng qua gương phẳng và gương cầu lồi đều ở sau gương.
- B. Ảnh của vật sáng qua gương phẳng và gương cầu lồi đều ở gần gương hơn vật.
- C. Khi một vật sáng đặt ở cùng một vị trí trước gương phẳng và gương cầu lồi, mắt nhìn thấy ảnh qua gương phẳng lớn hơn ảnh qua gương cầu lồi.
- D. Vùng nhìn thấy của gương phẳng hẹp hơn vùng nhìn thấy của gương cầu lồi có cùng kích thước và cùng vị trí đặt mắt trước gương.

Câu 44. Một số gương dùng trong cuộc sống, khi soi vào ta thấy hình ảnh của vật lớn hơn nhiều so với vật thật. Gương soi này là gương gì?



- A. Gương phẳng.
- B. Gương cầu lõm.
- C. Gương cầu lồi.
- D. Gương phản xạ

Câu 45. Bếp mặt trời là một thiết bị ứng dụng của gương cầu lõm trong cuộc sống, dựa trên đặc điểm gương cầu lõm có thể biến đổi:



- A. Chùm tia tới phân kì thành chùm tia phản xạ song song.
- B. Chùm tia tới song song thành chùm tia phản xạ phân kì.
- C. Chùm tia tới hội tụ thành chùm tia phản xạ song song.
- D. Chùm tia tới song song thành chùm tia phản xạ hội tụ.

Câu 46. Trong đèn pin, chóa đèn lắp quanh bóng đèn thường là gương gì?



- A. Gương cầu lồi
- B. Gương cầu lõm
- C. Gương phẳng
- D. Gương phản chiếu

Câu 47. Chùm tia sáng song song tới một gương cầu lõm có chùm tia phản xạ là chùm tia nào?

- A. Hội tụ
- B. Song song
- C. Phân kì
- D. Cắt ngang

Câu 48. Ở chỗ nào trên Trái Đất, ta quan sát được nhật thực toàn phần?

- A. Chỗ có bóng tối trên Trái Đất.
- B. Chỗ có bóng tối của Mặt Trăng trên Trái Đất.
- C. Ở bất kì chỗ nào trên Trái Đất.
- D. Ở chỗ có bóng nửa tối của Mặt Trăng trên Trái Đất.

Câu 49. Vào ban đêm, khi Mặt Trăng bị Trái Đất che khuất thì xảy ra hiện tượng gì?

- A. Nhật thực.
- B. Nguyệt thực.
- C. Thủy triều.
- D. Không có hiện tượng gì.

Câu 50. Ta nhìn thấy được một vật khi nào?

- A. Vật là một nguồn sáng.
- B. Ta đang mở mắt nhìn về phía vật.
- C. Vật là một vật sáng.
- D. Có ánh sáng từ vật đi vào mắt ta.

☆ DẶN DÒ:

- Phần bài học chép vào tập (PHẦN A: LÝ THUYẾT).
- Làm PHẦN B: BÀI TẬP ÁP DỤNG vào tập.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

- 1. Cô Oanh SĐT: 037.456.0523
- 2. Cô Tâm SĐT: 0985.405.419

Trường THCS Phan Công Hớn

Tổ Sinh

SINH HỌC 7 - TUẦN 16

(từ 20/12/2021 đến 25/12/2021)

Tiết 31,32:

NGÀNH ĐỘNG VẬT CÓ XƯƠNG SỐNG

LỚP CÁ

I. CẤU TẠO NGOÀI VÀ HOẠT ĐỘNG SỐNG CỦA CÁ CHÉP

1. Đời sống

- + Ưa vực nước lặn, sống ở sông ở nước ngọt (ao, hồ, sông, suối)
- + Ăn tạp: động vật (giun, ốc, ấu trùng ...) và thực vật thủy sinh
- + Là động vật biến nhiệt: nhiệt độ không ổn định, phụ thuộc vào nhiệt độ của môi trường nước.

2. Sinh sản

- + đẻ trứng nhiều, thụ tinh ngoài
- + Trứng thụ tinh phát triển thành phôi

3. Cấu tạo ngoài

Đặc điểm cấu tạo ngoài của cá thích nghi với đời sống bơi lội.

- Thân cá chép thon dài, đầu thuôn nhọn gắn chặt với thân → giảm sức cản của nước.
- Mắt không có mi, màng mắt cá tiếp xúc với môi trường nước → màng mắt không bị khô.
- Vây cá có da bao bọc, trong da có nhiều tuyến tiết chất nhầy → giảm sự ma sát giữa da cá với môi trường nước.
- Sự sắp xếp vây cá trên thân khớp với nhau như ngói lợp → giúp cá cử động theo chiều ngang.
- Vây cá có các tia vây được căng bởi da mỏng, khớp động với thân → có vai trò như bơi chèo.

4. Chức năng của vây cá

- Vây đuôi: đẩy nước làm cá tiến lên.
- Vây ngực và vây bụng: giữ thăng bằng và giúp cá bơi lên – xuống, rẽ phải – trái, bơi đứng, dừng lại.
- Vây lưng và vây hậu môn: giúp giữ thăng bằng theo chiều dọc.

II. CẤU TẠO TRONG: Học sinh tự tìm hiểu

III. ĐA DẠNG CỦA LỚP CÁ

Các loài cá trên thế giới rất đa dạng và phong phú về số lượng, môi trường sống.

Trên thế giới có khoảng 25.415 loài cá. Ở Việt Nam đã phát hiện 2.753 loài, trong đó có 2 lớp chính là lớp Cá sụn và lớp Cá xương.

a. Lớp cá sụn

- *Số loài*: 850 loài. *Môi trường sống*: nước mặn và nước lợ.
- *Đặc điểm*: Bộ xương bằng chất sụn, khe mang trần. Da nhám. Miệng nằm ở mặt bụng.
- *Đại diện*: cá nhám, cá đuối, ...

b. Cá xương

- *Số loài*: 24.565 loài. *Môi trường sống*: nước mặn, nước lợ, nước ngọt.
- *Đặc điểm*: Bộ xương bằng chất xương. Xương nắp mang che các khe mang. Da phủ vảy xương có chất nhầy.
- *Đại diện*: cá chép, cá rô, ...

IV. ĐẶC ĐIỂM CHUNG:

- Bơi bằng vây, hô hấp bằng mang.
- Tim 2 ngăn, máu đỏ tươi đi nuôi cơ thể.
- Thụ tinh ngoài, đẻ trứng.
- Là động vật biến nhiệt

IV. VAI TRÒ THỰC TIỄN

- Cung cấp thực phẩm:.....
- Cung cấp dược phẩm:.....
- Cung cấp nguyên liệu đóng giày, làm cặp:.....
- Làm thức ăn cho động vật khác:.....
- Tiêu diệt động vật gây hại:.....

CÂU HỎI Củng cố kiến thức:

- 1. Tại sao lớp Cá thường đẻ rất nhiều trứng?**
- 2. Nguyên nhân giúp hoạt động trao đổi khí của Cá xương đạt hiệu quả cao ở môi trường nước?**

Mọi thắc mắc quý PH và HS liên hệ cô Tuyết (SĐT: 0389097016)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ TIN HỌC

MÔN TIN HỌC - KHỐI 7

(Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 31/12/2021)

TIẾT 2:

ÔN TẬP HỌC KỲ 1

➤ TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Typing Master là phần mềm dùng để:

- A. Luyện gõ phím nhanh bằng mười ngón.
- B. Luyện gõ phím nhanh.
- C. Luyện gõ mười ngón.
- D. Luyện gõ bàn phím.

Câu 2: Phần mềm Typing Master, gồm các bài học, bài kiểm tra và

- A. Các biểu đồ.
- B. Các hình ảnh.
- C. Các trò chơi.
- D. Các bài nhạc.

Câu 3: Trong phần mềm Typing Master, sau khi nháy chọn Games thì có

- A. 4 trò chơi.
- B. 3 trò chơi.
- C. 5 trò chơi.
- D. 6 trò chơi.

Câu 4: Để sửa dữ liệu trong ô tính em cần:

- A. Nháy đúp chuột trái vào ô cần sửa.
- B. Nháy nút chuột trái
- C. Nháy đúp chuột phải vào ô cần sửa
- D. Nháy nút chuột phải

Câu 5: Trong màn hình Excel, ngoài bảng chọn File và các dải lệnh giống Word thì màn hình Excel còn có:

- A. Trang tính, thanh công thức.
- B. Thanh công thức, các dải lệnh Formulas.
- C. Các dải lệnh Formulas và bảng chọn Data.
- D. Trang tính, thanh công thức, các dải lệnh Formulas và Data.

Câu 6: Ô H3 nằm ở vị trí :

- A. Hàng H, cột 3
- B. Hàng 3, hàng H
- C. Cột H, cột 3
- D. Cột H, hàng 3

Câu 7: Chương trình bảng tính, ngoài chức năng tính toán còn có chức năng:

- A. Tạo biểu đồ.
- B. Tạo trò chơi.
- C. Tạo video
- D. Tạo nhạc.

Câu 8: Trên trang tính, các ký tự chữ cái A,B,C,....được gọi là:

- A. Tên hàng.
- B. Tên ô.
- C. Tên cột.
- D. Tên khối

Câu 9: Trên trang tính, dãy số thứ tự 1,2,3,.....được gọi là:

- A. Tên khối.
- B. Tên ô.
- C. Tên cột.
- D. Tên hàng.

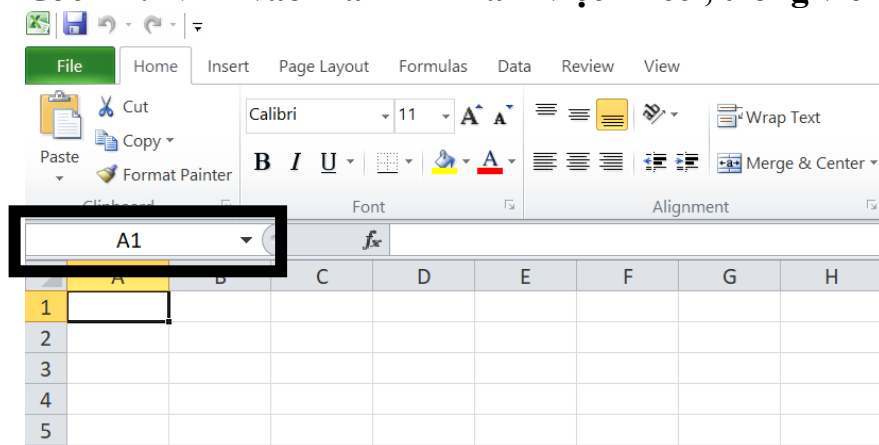
Câu 10: Giả sử, ô C7 đang được chọn. Ta nhấn phím Enter thì ô tính nào được chọn:

- A. C8
- B. C9
- C. B8
- D. B9

Câu 11: Giao của một cột và hàng được gọi là?

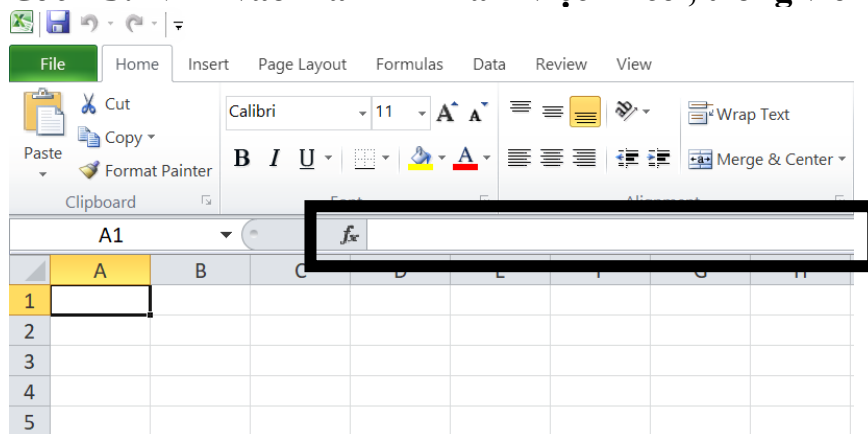
- A. Khối
- B. Hàng
- C. Ô
- D. Cột

Câu 12: Nhìn vào màn hình làm việc Excel, trong viền đen là gì?



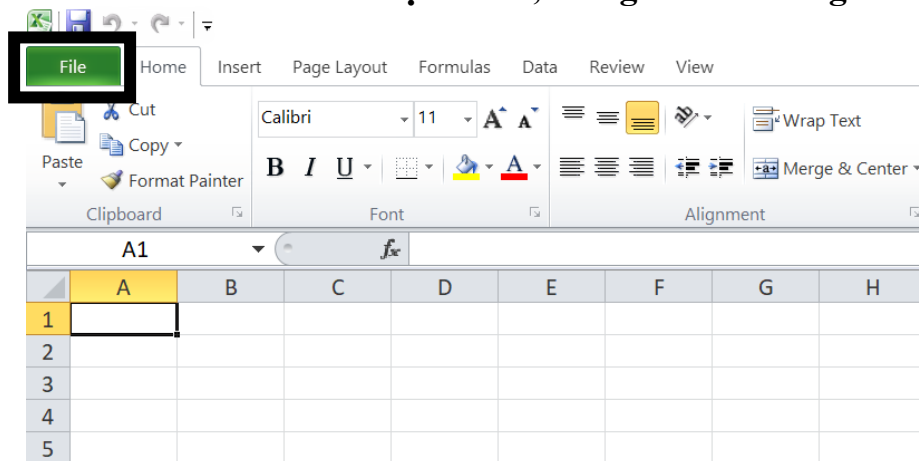
- A. Thanh công thức.
- B. Thanh bảng chọn.
- C. Hộp tên.
- D. Thanh tiêu đề.

Câu 13: Nhìn vào màn hình làm việc Excel, trong viền đen là gì?



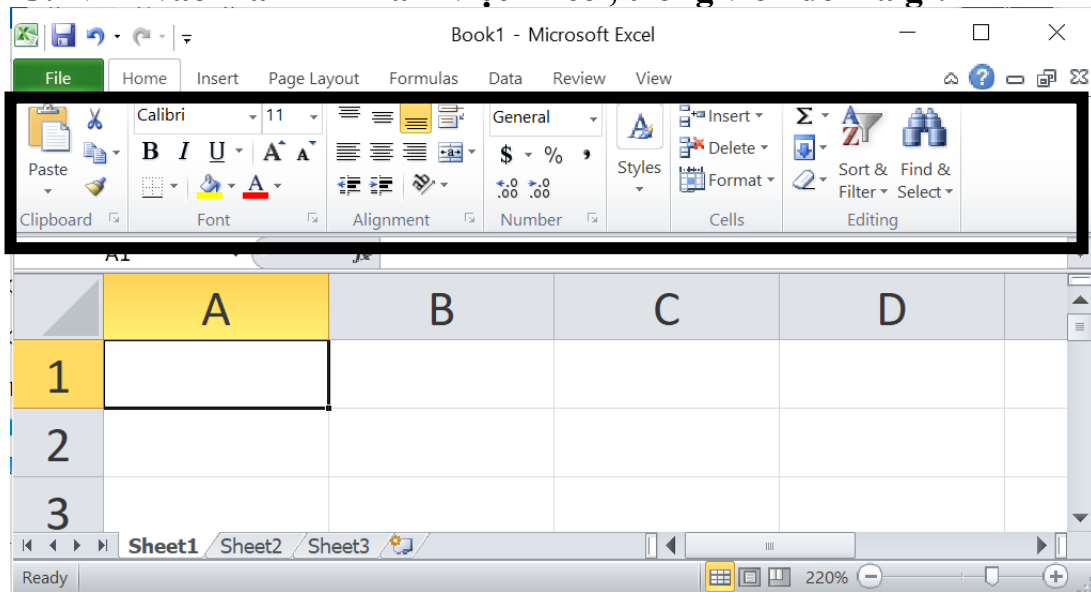
- A. Thanh công thức.
- B. Thanh bảng chọn.
- C. Hộp tên.
- D. Thanh tiêu đề.

Câu 14: Nhìn vào màn hình làm việc Excel, trong viền đen là gì?



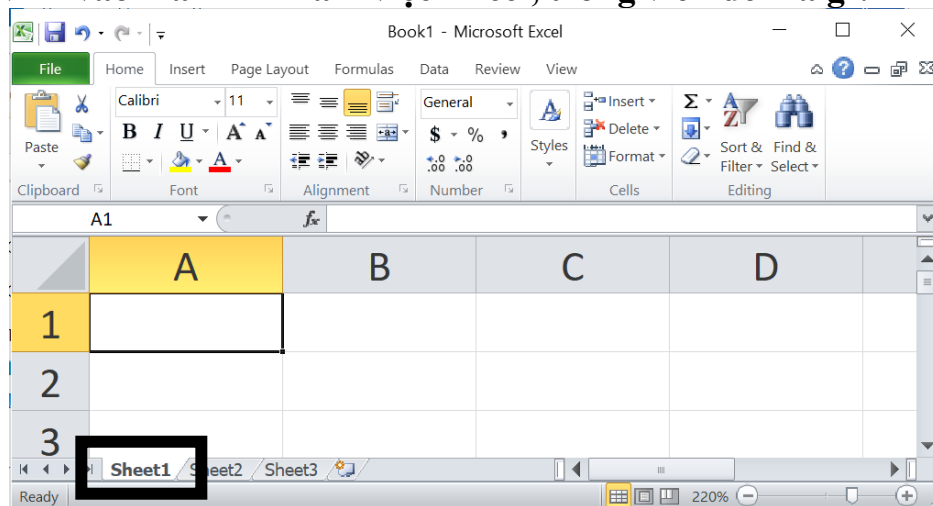
- A. Dãy lệnh Home
- B. Dãy lệnh Data
- C. Dãy lệnh Insert
- D. Bảng chọn File

Câu 15: Nhìn vào màn hình làm việc Excel, trong viền đen là gì?



- A. Dãy lệnh Home
- B. Dãy lệnh Data
- C. Dãy lệnh Insert
- D. Bảng chọn File

Câu 16: Nhìn vào màn hình làm việc Excel, trong viền đen là gì?



- A. Thanh công thức.
- B. Trang tính.
- C. Thanh trạng thái.
- D. Tên trang tính.

Câu 17: Trong Excel, các kí hiệu dùng để kí hiệu các phép toán:

- A. + - . :
B. + - * /

- C. ^ / : x
D. + - ^ \

Câu 18: Các bước nhập công thức vào ô tính

- A. Chọn ô cần nhập công thức; gõ công thức.
B. Chọn ô cần nhập; gõ dấu bằng, nhấn Enter.
C. Chọn ô cần nhập công thức; gõ dấu bằng; gõ công thức; nhấn Enter.
D. Chọn ô cần nhập công thức; gõ công thức; nhấn nút ✓ để kết thúc.

Câu 19: Khi gõ công thức vào một ô, kí tự đầu tiên phải là:

- A. Ô đầu tiên tham chiếu tới
B. Dấu ngoặc đơn
C. Dấu nháy
D. Dấu bằng

Câu 20: Giả sử cần tính tổng giá trị của các ô D2 và F4, sau đó nhân với giá trị trong ô C2. Công thức nào trong số các công thức sau đây là đúng:

- A. =(F4+D2)*C2
B. (F4+D2)*C2
C. =C2(F4+D2)
D. (F4+D2)C2

Câu 21: Ở một ô tính có công thức sau: =((A1-E5+F7)/C2)*E5 với E5 = 2, F7 = 8, C2 = 2, A1 = 20 thì kết quả trong ô tính đó sẽ là:

- A. 10
B. 100
C. 26
D. 120

Câu 22: Sắp xếp theo đúng thứ tự các bước nhập công thức vào ô tính:

1. Nhấn Enter
2. Nhập công thức
3. Gõ dấu =
4. Chọn ô tính

- A. 4; 3; 2; 1
B. 1; 3; 2; 4
C. 2; 4; 1; 3
D. 3; 4; 2; 1

Câu 23: Trong các công thức sau, công thức nào thực hiện được khi nhập vào bảng tính?

- A. (12+8)/2^2+5*6
B. = (12+8):22+5x6
C. = (12+8):2^2+5*6
D. =(12+8)/22+5*6

**Câu 24: Cho phép tính sau: (25+7):(56-25)×(8:3):2+64×3%
Phép tính nào thực hiện được trong chương trình bảng tính?**

- A. =(25+7)/(56-25)x(8/3)/2+6^4x3%
B. =(25+7)/(56-2^5)x(8/3):2+6^4x3%
C. =(25+7)/(56-2^5)*(8/3)/2+6^4*3%
D. =(25+7)/(56-2/5)x(8/3)/2+6^4x3%

Câu 25: Trong các công thức nhập vào ô tính để tính biểu thức $(9+7):2$ thì công thức nào sau đây là đúng?

- A. $(7 + 9)/2$ B. $=(7+9):2$ C. $=(9+7)/2$ D. $=9+7/2$

Câu 26: Để kết thúc việc nhập công thức ta sử dụng thao tác:

- A. Nhấn Enter
B. Nháy chuột vào nút ✓
C. Cả A và B đều đúng
D. Cả A và B đều sai

Câu 27: Trong địa chỉ khối, các địa chỉ ô tính được cách nhau bởi dấu nào?

- A. Dấu chấm (.) C. Dấu hai chấm (:)
B. Dấu phẩy (,) D. Dấu chấm phẩy (;)

Câu 28: Dữ liệu căn thẳng lề trái trong ô tính

- A. Kí tự C. Chữ số
B. Số D. Tất cả đều đúng.

Câu 29: Một bảng tính có bao nhiêu trang tính?

- A. Một trang tính (sheet1)
B. Hai trang tính (sheet1, sheet2)
C. Ba trang tính (sheet1, sheet2, sheet3)
D. Nhiều trang tính (ngầm định có 3 trang tính sheet1, sheet2, sheet3)

Câu 30: Dữ liệu trên trang tính gồm các dữ liệu nào?

- A. Dữ liệu kí tự C. Câu A và B đều sai
B. Dữ liệu số D. Câu A và B đều đúng

Câu 31: Dấu phẩy (,) trong dữ liệu số dùng phân cách gì?

- A. Hàng nghìn, hàng triệu
B. Hàng nguyên, hàng thập phân
C. Câu A và B đều đúng
D. Câu A và B đều sai

Câu 32: “Là các chữ cái, chữ số và các kí hiệu”. Dấu hiệu nhận biết của dữ liệu gì?

- A. Dữ liệu kí tự C. Câu A và B đều sai
B. Dữ liệu số D. Câu A và B đều đúng

Câu 33: Chọn 1 khối, ô nào sẽ được kích hoạt?

- A. Ô ở giữa
- B. Ô ở nào cũng được
- C. Ô đầu tiên
- D. Ô cuối cùng

Câu 34: Đưa con trỏ chuột tới ô đó và nháy chuột là thao tác?

- A. Chọn 1 ô
- B. Chọn 1 khối
- C. Chọn 1 cột
- D. Chọn 1 hàng

Câu 35: Ở chế độ ngầm, dữ liệu số được căn thẳng lề trong ô tính

- A. Trái
- B. Phải
- C. Giữa
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 36: Nháy chuột tại nút tên cột là thao tác?

- A. Chọn 1 ô
- B. Chọn 1 khối
- C. Chọn 1 cột
- D. Chọn 1 hàng

Câu 37: Dấu chấm (.) trong dữ liệu số dùng phân cách gì?

- A. Hàng nghìn, hàng triệu
- B. Phần nguyên, phần thập phân
- C. Câu A và B đều đúng
- D. Câu A và B đều sai

Câu 38: Quan sát hình, cho biết nội dung hiển thị ở Hộp tên, có nghĩa gì?



- A. Địa chỉ ô ở hàng B và Cột 7
- B. Địa chỉ ô ở hàng 7 và Cột B
- C. Địa chỉ ô ở hàng B và Cột B
- D. Địa chỉ ô ở hàng 7 và Cột 7

Câu 39: Quan sát hình, cho biết thao tác chọn gì?

	A	B	C
1			
2			
3			
4			

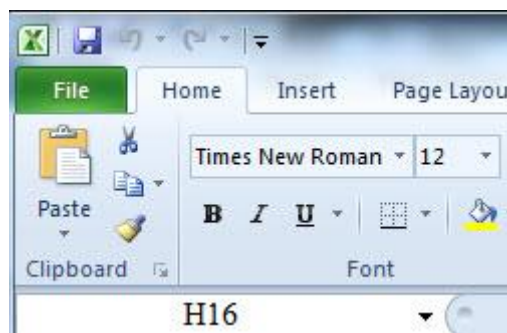
- A. Chọn 1 ô
- B. Chọn 1 khối
- C. Chọn 1 cột
- D. Chọn 1 hàng

Câu 40: Quan sát hình, cho biết thao tác chọn gì?

	A	B	C	D
1				
2				
3				
4				
5				

- A. Chọn 1 ô
- B. Chọn 1 khối
- C. Chọn 1 cột
- D. Chọn 1 hàng

Câu 41: Quan sát hình, cho biết nội dung hiển thị ở Hộp tên, có nghĩa gì?



- A. Địa chỉ ô ở hàng H và Cột H
- B. Địa chỉ ô ở hàng H và Cột 16
- C. Địa chỉ ô ở hàng 16 và Cột H
- D. Địa chỉ ô ở hàng 16 và Cột 16

Câu 42: Hàm AVERAGE là hàm dùng để:

- A. Tính tổng
- B. Tìm số nhỏ nhất
- C. Tìm số trung bình cộng
- D. Tìm số lớn nhất

Câu 43: Kết quả của hàm sau: =SUM(B1:B3), trong đó: B1= 3; B2=5; B3=19

- A. 28
- B. 30
- C. 27
- D. Không thực hiện được

Câu 44: Kết quả của hàm sau: =AVERAGE(A1:A4), trong đó: A1=6; A2=9; A3= 4 ; A4=5

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. Không thực hiện được

Câu 45: Kết quả của hàm sau : =MAX(A1:A5), trong đó: A1=5, A2=8; A3=19; A4=11; A5=12

- A. 11
- B. 19
- C. 5
- D. 55

Câu 46: Nếu khối C1:C5 lần lượt chứa các số 1, 8, 10, 19, 3 kết quả phép tính nào sau đây đúng:

- A. =MAX (C1,C5,20) cho kết quả là 20

- B. =MAX(C1,C5,20) cho kết quả là 20
- C. =MAX(C1:C5) cho kết quả là 20
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 47: Kết quả của hàm =AVERAGE(5,9,13) là:

- A. 21
- B. 7
- C. 9
- D. 3

Câu 48: Để tính giá trị trung bình của ô A1, B1, C1 các cách tính nào sau đây là đúng:

- A. =Sum (A1+B1+C1)
- B. =Average(A1,B1,C1)
- C. =Average (A1,B1,C1)
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 49: Cho hàm =Sum(E5:E10) để thực hiện?

- A. Tính tổng của ô E5 và ô E10
- B. Tìm giá trị lớn nhất của ô E5 và ô E10
- C. Tính tổng từ ô E5 đến ô E10
- D. Tìm giá trị nhỏ nhất từ ô E5 đến ô E10

Câu 50: Trong Excel, giả sử một ô tính được nhập nội dung:

=SUM(8,2)+MAX(7,3,4)+MIN(1,9,6) Vậy kết quả của ô tính là bao nhiêu sau khi ấn phím Enter?

- A. 11
- B. 12
- C. 18
- D. Một kết quả khác

Câu 51: Hàm là gì?

- A. Hàm là công thức hoặc kết hợp nhiều công thức
- B. Hàm dùng để tính toán với các giá trị dữ liệu cụ thể
- C. A và B đúng
- D. A và B sai

Câu 52: Sử dụng hàm:

- A. Cũng như sử dụng công thức
- B. Giúp tính toán dễ dàng và nhanh chóng hơn
- C. Khó hơn và không có lợi ích gì
- D. Một đáp án khác

Câu 53: Ta có bảng tính:

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM XÉT HỌC BỔNG ĐỢT 1					
2	STT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI	TOÁN	TIN	ĐTB
3	1	Hồ Thảo Trang	Nữ	9	6	?
4	2	Bùi Mẫn	Nữ	8	10	?
5	3	Thế Minh Sơn	Nam	8	6	?
6	4	Phan Văn Tùng	Nam	5	9	?
7	5	Trần Tiến	Nam	9	8	?
8	6	Ngô Gia Khiêm	Nam	6	6	?
9			TRUNG BÌNH			?
10			NHỎ NHẤT			?
11			TỔNG CỘNG		?	
12			LỚN NHẤT		?	

Tính **ĐTB** = (TOÁN x 3 + TIN x 2) : 5

Ô F3 gõ?

- A. =(D3x3+E3x2):5
- B. (D3*3+E3*2)/5
- C. =(E3*3+D3*2)/5
- D. =(D3*3+E3*2)/5

Câu 54: Ta có bảng tính:

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM XÉT HỌC BỔNG ĐỢT 1					
2	STT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI	TOÁN	TIN	ĐTB
3	1	Hồ Thảo Trang	Nữ	9	6	?
4	2	Bùi Mẫn	Nữ	8	10	?
5	3	Thế Minh Sơn	Nam	8	6	?
6	4	Phan Văn Tùng	Nam	5	9	?
7	5	Trần Tiến	Nam	9	8	?
8	6	Ngô Gia Khiêm	Nam	6	6	?
9			TRUNG BÌNH			?
10			NHỎ NHẤT			?
11			TỔNG CỘNG		?	
12			LỚN NHẤT		?	

Dùng hàm tính giá trị **TRUNG BÌNH** của cột **ĐTB**

Ô F9 gõ?

- A. =MAX(F3:F8)
- B. =SUM(F3:F7)
- C. =AVERAGE(F3:F8)
- D. =MIN(F3:F8)

Câu 55: Ta có bảng tính:

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM XÉT HỌC BỔNG ĐỢT 1					
2	STT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI	TOÁN	TIN	ĐTB
3	1	Hồ Thảo Trang	Nữ	9	6	?
4	2	Bùi Mẫn	Nữ	8	10	?
5	3	Thế Minh Sơn	Nam	8	6	?
6	4	Phan Văn Tùng	Nam	5	9	?
7	5	Trần Tiến	Nam	9	8	?
8	6	Ngô Gia Khiêm	Nam	6	6	?
9			TRUNG BÌNH			?
10			NHỎ NHẤT			?
11			TỔNG CỘNG		?	
12			LỚN NHẤT		?	

Dùng hàm tính giá trị **NHỎ NHẤT** của cột ĐTB
Ô F10 gõ?

- A. =MAX(F3:F9)
- B. =MIN(F3:F8)
- C. =SUM(F2:F8)
- D. =MIN(F2:F8)

Câu 56: Ta có bảng tính:

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM XÉT HỌC BỔNG ĐỢT 1					
2	STT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI	TOÁN	TIN	ĐTB
3	1	Hồ Thảo Trang	Nữ	9	6	?
4	2	Bùi Mẫn	Nữ	8	10	?
5	3	Thế Minh Sơn	Nam	8	6	?
6	4	Phan Văn Tùng	Nam	5	9	?
7	5	Trần Tiến	Nam	9	8	?
8	6	Ngô Gia Khiêm	Nam	6	6	?
9			TRUNG BÌNH			?
10			NHỎ NHẤT			?
11			TỔNG CỘNG		?	
12			LỚN NHẤT		?	

Dùng hàm tính giá trị **TỔNG CỘNG** của cột TIN
Ô E11 gõ?

- A. =SUM(E3:E8)
- B. =MIN(E3:E8)
- C. =Average(E3:F8)
- D. =MIN(E3:E8)

Câu 57: Ta có bảng tính:

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM XÉT HỌC BỔNG ĐỢT 1					
2	STT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI	TOÁN	TIN	ĐTB
3	1	Hồ Thảo Trang	Nữ	9	6	?
4	2	Bùi Mẫn	Nữ	8	10	?
5	3	Thế Minh Sơn	Nam	8	6	?
6	4	Phan Văn Tùng	Nam	5	9	?
7	5	Trần Tiến	Nam	9	8	?
8	6	Ngô Gia Khiêm	Nam	6	6	?
9			TRUNG BÌNH			?
10			NHỎ NHẤT			?
11			TỔNG CỘNG		?	
12			LỚN NHẤT		?	

**Dùng hàm tính giá trị LỚN NHẤT của cột TIN
Ô E12 gõ?**

- A. =MAX(E3:F12)
- B. =SUM(F3:E8)
- C. =MAX(E3:E8)
- D. =MIN(E3:E8)

Câu 58: Hàm SUM là hàm dùng để:

- A. Tính tổng
- B. Tìm số nhỏ nhất
- C. Tìm số trung bình cộng
- D. Tìm số lớn nhất

Câu 59: Hàm MAX là hàm dùng để:

- A. Tính tổng
- B. Tìm số nhỏ nhất
- C. Tìm số trung bình cộng
- D. Tìm số lớn nhất

Câu 60: Hàm MIN là hàm dùng để:

- A. Tính tổng
- B. Tìm số nhỏ nhất
- C. Tìm số trung bình cộng
- D. Tìm số lớn nhất

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

1. Cô Thủy: 0908962965 (zalo)
2. Cô Hà: 0908281062 (zalo)
3. Cô Ý: 0786771441 (zalo)

MÔN TIN HỌC - KHỐI 7

(Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 25/12/2021)

TIẾT 2: ÔN TẬP HỌC KỲ 1

➤ LÝ THUYẾT

PHẦN MỀM TYPING MASTER

.....

.....

- Thực hiện các bài luyện gõ bàn phím bằng mười ngón.

Nháy chọn

+ Phần cơ bản: (gồm..... bài)

+ Phần nâng cao: (gồmbài)

- Luyện gõ bằng trò chơi

Nháy chuột chọn

a) Trò chơi (bong bóng):

+ Trò chơi xuất hiện các bọt khí có chứa các chữ cái bay từ dưới lên trên.

+ Nếu gõ đúng:

+ Nếu gõ sai: bọt khí chuyển động lên trên, chạm vào khung trên màn hình.

+ Có thể bỏ qua..... từ

b) Trò chơi(bảng chữ cái):

+ Các chữ cái xuất hiện trong một vòng tròn.

+ Gõ chính xác các chữ cái theo chiều

c) Trò chơi(đám mây):

+ Trò chơi xuất hiện các đám mây, chuyển động từ phải sang trái màn hình.

+ Dùng phím hoặc để chuyển sang đám mây tiếp theo.

+ Muốn quay lại nhấn

+ Có thể bỏ qua từ

d) Trò chơi Wordtris (gõ từ nhanh):

- + Trò chơi có khung hình chỉ chứa được thanh chữ.
- + Gõ đúng các từ trong thanh chữ, sau đó gõ phím
- + Thanh chữ biến mất: khi gõ xong trước lúc

- Luyện gõ qua bài kiểm tra kỹ năng gõ

Nháy chuột chọn

Bước 1: Chọn loại văn bản trong

Bước 2: Chọn thời gian trong

Bước 3: Nháy chọn vào để bắt đầu.

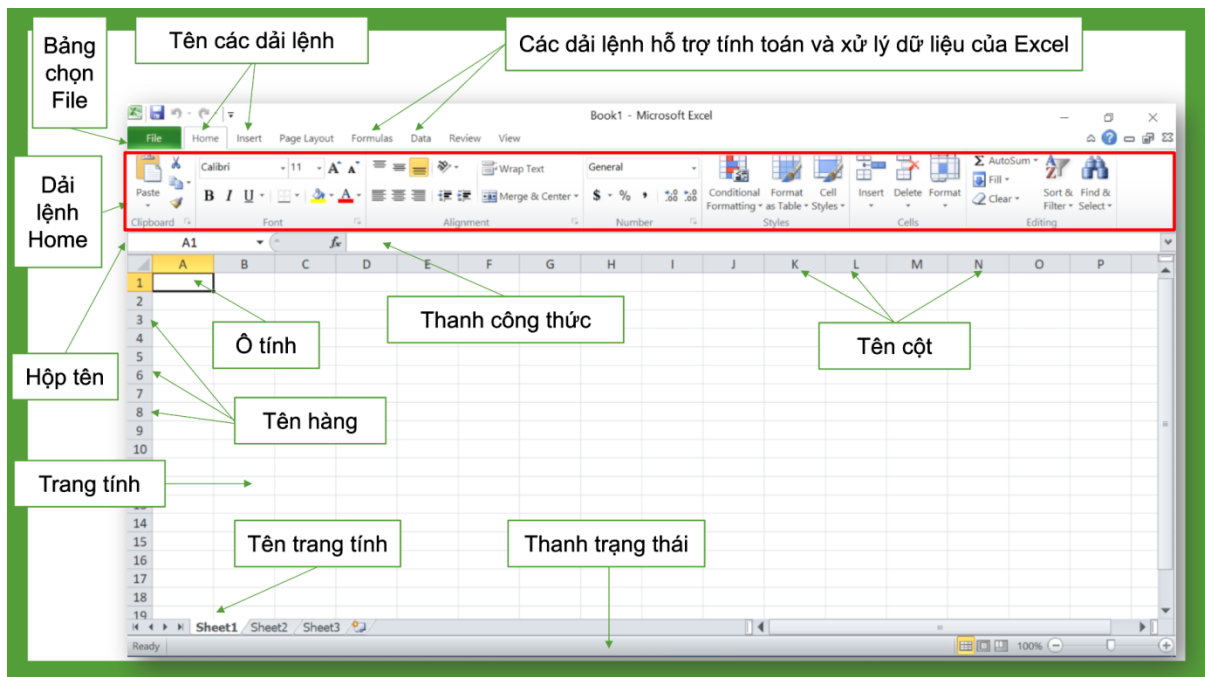
CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH LÀ GÌ?

.....

.....

.....

MÀN HÌNH LÀM VIỆC EXCEL



🔗 CÁC KÝ HIỆU TOÁN HỌC TRONG EXCEL

Phép toán	Ký hiệu trong Toán học	Ký hiệu trong Excel	Ví dụ trong Excel
Cộng	+	+	13 + 5
Trừ	-	-	21 - 7
Nhân	x	*	3*5
Chia	:	/	18/2
Nâng lên lũy thừa	a^x	^	6^2
Tính phần trăm	%	%	6%

🔗 CÁC BƯỚC NHẬP CÔNG THỨC

▪ Ví dụ: Cần nhập công thức $(18+3)/7+(4-2)^2*5$ vào ô B2

B1: Nháy chuột chọn ô B2

B2: Gõ dấu =

B3: Nhập công thức

B4: Nhấn phím Enter hoặc nháy dấu ✓ để kết thúc.

🔗 HÀM LÀ GÌ?

.....

.....

.....

.....

.....

CÁC BƯỚC NHẬP HÀM

Bước 1:

Bước 2:

Bước 3:

Bước 4:

CÁC HÀM THƯỜNG DÙNG

.....

.....

.....

.....

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

1. Cô Thủy: 0908962965 (zalo)
2. Cô Hà: 0908281062 (zalo)
3. Cô Ý: 0786771441 (zalo)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ TOÁN

TOÁN 7 TUẦN 16

(Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 26/12/2021)

PHẦN ĐẠI SỐ

Luyện tập

Bài 37 (trang 68 SGK Toán 7 Tập 1): Hàm số y được cho bằng bảng sau:

x	0	1	2	3	4
y	0	2	4	6	8

a) Viết tất cả các cặp giá trị tương ứng $(x; y)$ của hàm số trên

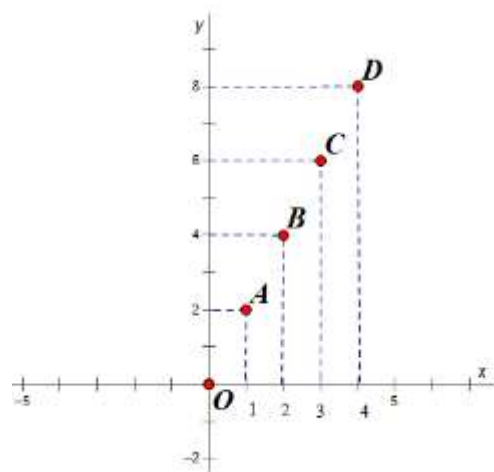
b) Vẽ một hệ trục tọa độ Oxy và xác định các điểm biểu diễn các cặp giá trị tương ứng của x và y ở câu a

Lời giải:

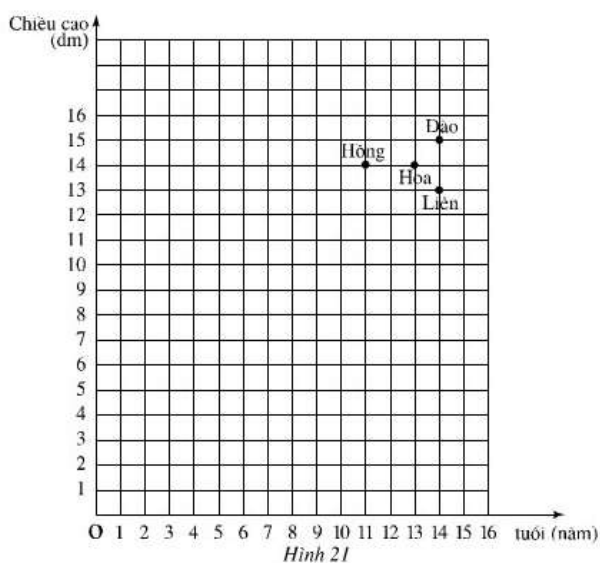
a) Tất cả các cặp giá trị tương ứng $(x; y)$ là

$(0; 0); (1; 2); (2; 4); (3; 6); (4; 8)$

b) Trên hình vẽ O, A, B, C, D là vị trí của các điểm biểu diễn các cặp giá trị tương ứng của x và y trong câu a.



Bài 38 (trang 68 SGK Toán 7 Tập 1):



Chiều cao và tuổi của bốn bạn Hồng, Hoa, Đào, Liên được biểu diễn trên mặt phẳng tọa độ (hình 21). Hãy cho biết:

- a) Ai là người cao nhất và cao bao nhiêu ?
- b) Ai là người ít tuổi nhất và bao nhiêu tuổi?
- c) Hồng và Liên ai cao hơn và ai nhiều tuổi hơn ?

Lời giải:

Theo hình vẽ ta có:

Đào cao 15dm, Hồng cao 14dm, Hoa cao 14dm và Liên cao 13dm.

Đào 14 tuổi, Liên 14 tuổi, Hoa 13 tuổi, Hồng 11 tuổi.

- a) Đào là người cao nhất và cao 15dm.
- b) Hồng là người ít tuổi nhất và là 11 tuổi.
- c) Hồng cao hơn Liên và Liên nhiều tuổi hơn Hồng.

Bài 1. Vẽ hệ trục tọa độ Oxy và đánh dấu các điểm A(3; -1); B(-4; -2) C(-1; 4) D(2; 4)

Bài 2:

- a) - Vẽ hệ trục tọa độ Oxy
- b) Đánh dấu các điểm A $\left(3; -\frac{1}{2}\right)$; B(-1; 2); C(0; 2,5); D(4; 0)

Bài 6. Đồ thị hàm số $y = ax$ ($a \neq 0$)

1. Đồ thị hàm số

Đồ thị hàm số $y=f(x)$ là tập hợp tất cả các điểm biểu diễn các cặp giá trị tương ứng (x;y) trên mặt phẳng tọa độ.

[?]1 Hàm số $y=f(x)$ được cho bằng bảng sau :

x	-2	-1	0	0,5	1,5
y	3	2	-1	1	-2

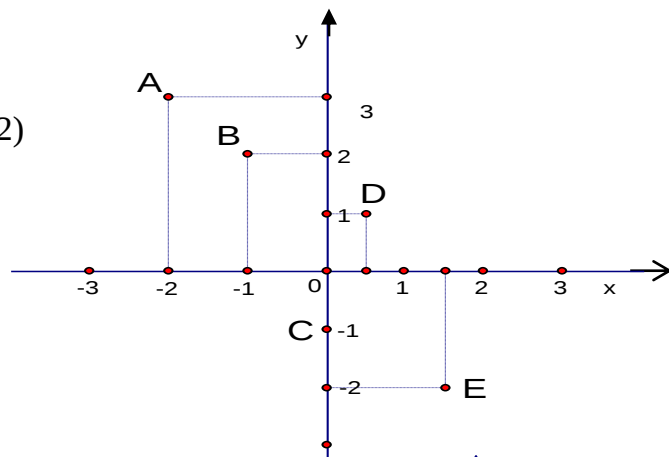
- a) Viết tập hợp (x;y) các cặp giá trị tương ứng của x và y xác định hàm số trên;
- b) Vẽ một hệ trục tọa độ Oxy và đánh dấu các điểm có tọa độ là các cặp số trên.

Trả lời

a) Viết các cặp giá trị là

$\{(-2;3), (-1;2), (0;-1), (0,5;1), (1,5;-2)\}$

b) Gọi $A(-2;3)$, $B(-1;2)$, $C(0;-1)$, $D(0,5;1)$, $E(1,5;-2)$



2 Cho hàm số $y=2x$

a) Viết năm cặp số $(x;y)$ với $x=-2;-1;0;1;2$

b) Biểu diễn các cặp số đó trên mặt phẳng tọa độ Oxy;

c) Vẽ đường thẳng qua hai điểm $(-2;-4);(2;4)$. Kiểm tra bằng thước thẳng xem các điểm còn lại có nằm trên đường thẳng đó hay không?

Trả

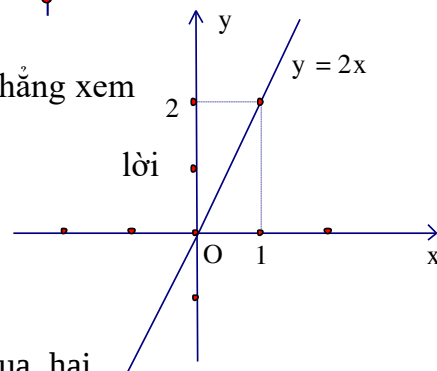
* Đồ thị của hàm số $y = f(x)$ là tập hợp tất cả các các điểm biểu

$y = 2x$.

a) $(-2,-4); (-1,-2); (0,0); (1,2); (2,4)$

b)

c) Nhận xét: Các điểm còn lại đều nằm trên đường thẳng đi qua hai điểm $(-2;-4);(2;4)$.



2. Đồ thị của hàm số $y=ax$ ($a \neq 0$)

Đồ thị hàm số $y = ax$ ($a \neq 0$) là một đường thẳng đi qua gốc tọa độ.

3 Từ khẳng định trên, để vẽ đồ thị của hàm số $y=ax$ ($a \neq 0$) ta cần biết mấy điểm thuộc đồ thị?

Trả lời: Để vẽ đồ thị hàm số $y = ax$ ($a \neq 0$) ta cần biết 1 điểm thuộc đồ thị

4 Xét hàm số $y=0,5x$

a) Hãy tìm một điểm A khác điểm gốc O thuộc đồ thị của hàm số trên

b) Đường thẳng OA có phải là đồ thị của hàm số $y=0,5x$ hay không?

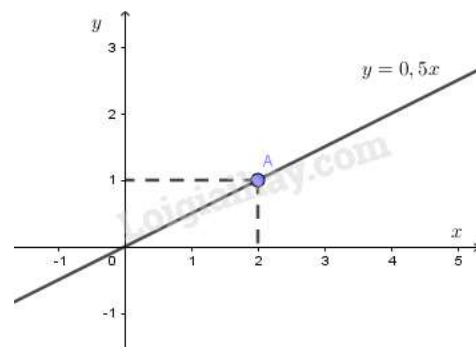
Trả lời:

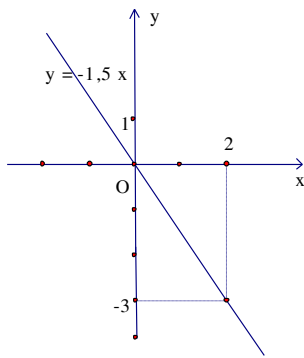
Hàm số: $y = 0,5x$

Cho $x = 2 \Rightarrow y = 1$. ta được điểm $A(2,1)$

Vậy điểm $A(2;1)$ thuộc đồ thị hàm số $y=0,5x$

b) Vì đồ thị hàm số $y=0,5x$ là đường thẳng đi qua gốc tọa độ $O(0;0)$ nên đường thẳng OAOA là đồ thị của hàm số $y = 0,5x$





VD: Vẽ đồ thị: $y = -1,5x$

Cho $x = 2 \Rightarrow y = -3$. ta được điểm $A(2;-3)$.

OA là đồ thị hàm số $y = -1,5x$.

Bài 39 (trang 71 SGK Toán 7 Tập 1)

Vẽ trên một hệ trục tọa độ Oxy đồ thị của các hàm số:

a) $y = x$

c) $y = -2x$

b) $y = 3x$

d) $y = -x$

Lời giải:

(Hướng dẫn Đồ thị hàm số $y = ax$ ($a \neq 0$) là 1 đường thẳng đi qua gốc tọa độ.

Sau đó ta lấy x bất kỳ tìm y để tìm được tọa độ điểm thứ 2 mà đồ thị đó đi qua.

Vẽ đường thẳng đi qua điểm O và điểm đó ta được đồ thị cần tìm)

- Vẽ hệ trục tọa độ Oxy

a) Với $x = 1$ ta được $y = 1$; suy ra $A(1 ; 1)$ thuộc đồ thị của hàm số $y = x$

Vậy đường thẳng OA là đồ thị hàm số $y = x$

b) Với $x = 1$ ta được $y = 3 \cdot 1 = 3$; suy ra $B(1 ; 3)$ thuộc đồ thị của hàm số $y = 3x$

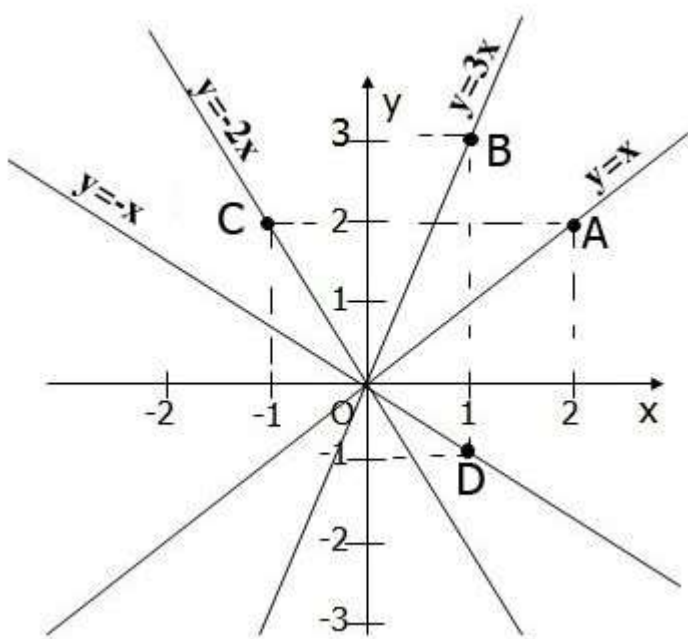
Vậy đường thẳng OB là đồ thị hàm số $y = 3x$

c) Với $x = -1$ ta được $y = -2 \cdot (-1) = 2$; suy ra $C(-1 ; 2)$ thuộc đồ thị của hàm số $y = -2x$

Vậy đường thẳng OC là đồ thị hàm số $y = -2x$

d) Với $x = -1$ ta được $y = -1 \cdot (-1) = 1$; suy ra $D(-1 ; 1)$ thuộc đồ thị của hàm số $y = -x$

Vậy đường thẳng OD là đồ thị hàm số $y = -x$

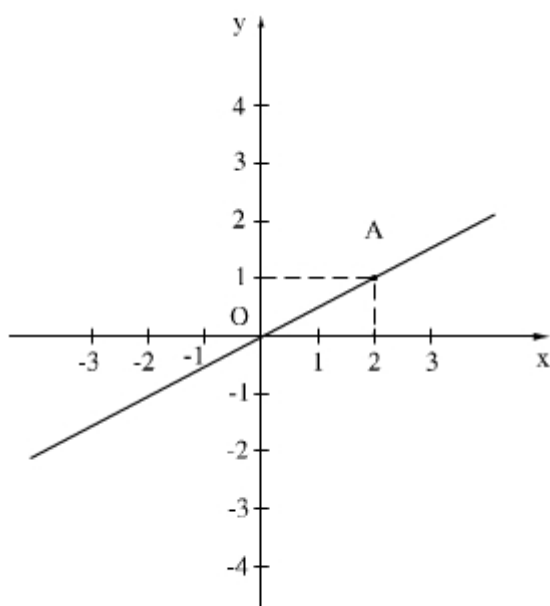


Luyện tập

Bài 42 (trang 72 SGK Toán 7 Tập 1)

Đường thẳng OA trong hình 26 là đồ thị của hàm số $y = ax$.

- Hãy xác định hệ số a
- Đánh dấu điểm trên đồ thị có hoành độ bằng $1/2$
- Đánh dấu điểm trên đồ thị có tung độ bằng -1



Hình 26

Lời giải:

a) Vì điểm A(2; 1) thuộc đồ thị hàm số $y = ax$ nên tọa độ điểm A thỏa mãn $y = ax$.

Do đó: $1 = a.2$ suy ra $a = 1/2$.

b) Điểm trên đồ thị có hoành độ bằng $1/2$ tức là:

$$x = \frac{1}{2} \text{ suy ra } y = \frac{1}{2} \cdot x = \frac{1}{2} \cdot \frac{1}{2} = \frac{1}{4}.$$

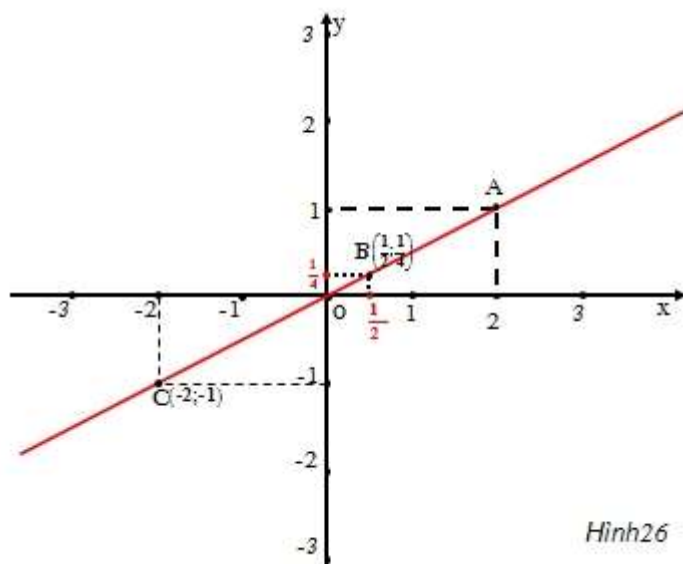
Vậy điểm cần biểu diễn có tọa độ $\left(\frac{1}{2}; \frac{1}{4}\right)$

c) Điểm trên đồ thị có tung độ bằng -1, tức là $y = -1$ suy ra:

$$x = y : \frac{1}{2} = -1 : \frac{1}{2} = -2.$$

Vậy điểm cần biểu diễn có tọa độ (-2 ; -1).

Hình vẽ

**Bài tập 44/73 SGK**

Vẽ đồ thị hàm số $y = f(x) = -0,5x$. Bằng đồ thị hãy tìm:

a) $f(2)$; $f(-2)$; $f(4)$; $f(0)$

b) Giá trị của x khi $y = -1$; $y = 0$; $y = 2,5$

c) Các giá trị của x khi y dương, khi y âm

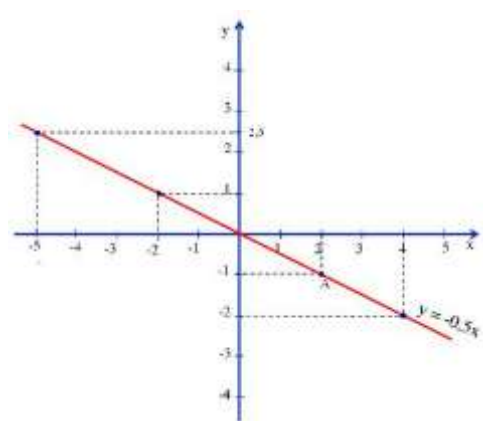
Lời giải:

Chọn $x = 2 \Rightarrow y = (-0,5).2 = -1$.

Vậy điểm $A(2 ; -1)$ thuộc đồ thị.

Đường thẳng OA là đồ thị hàm số $y = -0.5x$

Vẽ đồ thị



a) Trên đồ thị ta thấy

$$f(2) = -1$$

$$f(-2) = 1$$

$$f(4) = -2$$

$$f(0) = 0$$

b) Khi $y = -1 \Rightarrow x = 2$

$$\text{Khi } y = 0 \Rightarrow x = 0$$

$$\text{Khi } y = 2,5 \Rightarrow x = -5$$

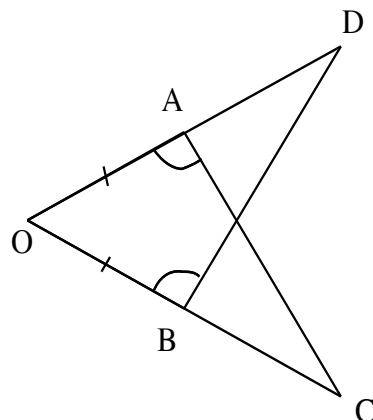
c) Khi y dương ($y > 0$) ứng với phần đồ thị nằm trên trục hoành và bên trái trục tung suy ra $x < 0$.

Khi y âm ($y < 0$) ứng với phần đồ thị nằm trên trục hoành và bên phải trục tung suy ra $x > 0$

Luyện tập

Bài tập 36 (SGK – 123).

GT	$OA = OB,$ $\angle OAC = \angle OBD.$
KL	$AC = BD.$



Chứng minh:

Xét $\triangle OBD$ và $\triangle OAC$, có:

$\angle OAC = \angle OBD$ (giả thiết)

$OA = OB$ (giả thiết)

O chung

$\Rightarrow \triangle OAC = \triangle OBD$ (g.c.g).

$\Rightarrow AC = BD$ (hai cạnh tương ứng).

Bài tập 29 (SGK - 120).

GT	$\angle xAy$, $B \in Ax$, $D \in Ay$, $AB = AD$, $E \in Bx$, $C \in$ Ay , $AE = AC.$
KL	$\triangle ABC = \triangle ADE$

Bài giải:

Xét $\triangle ABC$ và $\triangle ADE$ có:

$\left. \begin{array}{l} AD = AB \text{ (gt)} \\ DE = BE \text{ (gt)} \end{array} \right\} \Rightarrow AC = AE$ Mà: $AB = AD$ (gt)

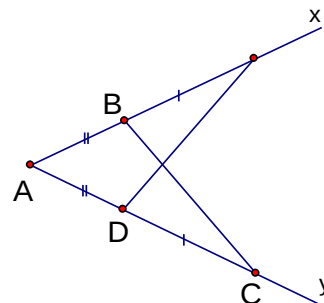
A chung

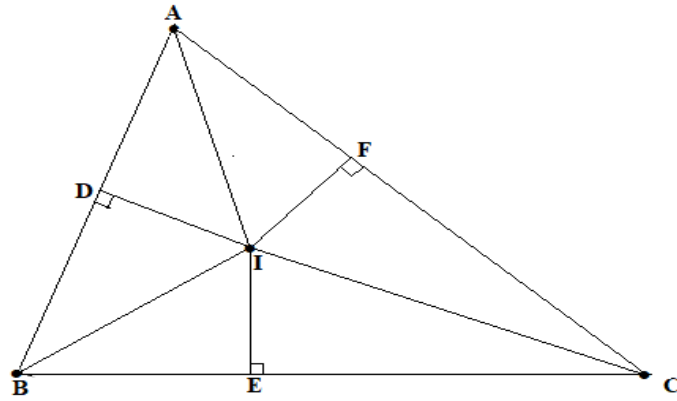
$\Rightarrow \triangle ABC = \triangle ADE$ (c.g.c).

Bài tập 41 trang 124 SGK.

GT	$\triangle ABC.$ Phân giác BI , CI . Kẻ $ID \perp AB$ ($D \in AB$), $IE \perp BC$ ($E \in BC$), $IF \perp CA$ ($F \in CA$).
KL	$ID = IE = IF.$

Bài làm.





Xét $\triangle BDI$ và $\triangle BEI$ có:

BI chung;

$$\widehat{BDI} = \widehat{BEI} = 90^\circ$$

$\widehat{IBD} = \widehat{IBE}$ (BI là tia phân giác góc B);

$$\Rightarrow \triangle BDI = \triangle BEI \text{ (g.c.g)}$$

Suy ra: $ID = IE$ (hai cạnh tương ứng). (1)

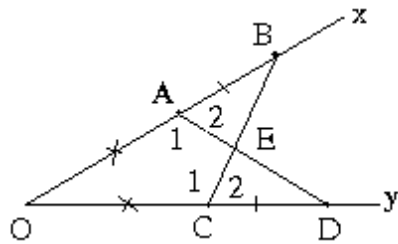
Chứng minh tương tự: $\triangle IEC = \triangle IFC$

Suy ra: $IE = IF$ (hai cạnh tương ứng); (2)

Từ (1) và (2): $ID = IE = IF$.

Bài tập 43 SGK.

GT	Góc $xOy < 180^\circ$. $A, B \in Ox, OA < OB$. $C, D \in Oy, OC = OA, OD = OB$. $AD \cap BC = E$.
KL	a) $AD = BC$ b) $\triangle EAB = \triangle ECD$ c) OE là tia phân giác của góc xOy.



a) $\triangle OAD$ và $\triangle OCB$ có:

$$OA = OC \text{ (gt)}$$

Ô chung

$$OB = OD \text{ (gt)}$$

$$\Rightarrow \triangle OAD = \triangle OCB \text{ (c.g.c)}$$

$$\Rightarrow AD = BC \text{ (2 cạnh t/ứng)}$$

b) Ta có: $OA = OC$ (gt)

$$OB = OD \text{ (gt)}$$

$$\Rightarrow OB - OA = OD - OC$$

$$\text{hay } AB = CD \quad (1)$$

Có: $\triangle OAD = \triangle OCB$ (phần a)

$$\Rightarrow \begin{cases} \hat{D} = \hat{B} \\ \hat{A}_1 = \hat{C}_1 \end{cases} \quad (2 \text{ góc t/ứng}) \quad (2)$$

$$\text{Mà: } \hat{A}_1 + \hat{A}_2 = \hat{C}_1 + \hat{C}_2 = 180^\circ \text{ (hai góc kề bù)}$$

$$\Rightarrow \hat{A}_2 = \hat{C}_2 \quad (3)$$

$$\text{Từ (1), (2), (3)} \Rightarrow \triangle EAB = \triangle ECD (g.c.g)$$

c) Xét $\triangle OAE$ và $\triangle OCE$ có:

$$OA = OC \text{ (gt)}$$

OE chung

$$EA = EC \text{ (} \triangle EAB = \triangle ECD \text{)}$$

$$\Rightarrow \triangle OAE = \triangle OCE (c.c.c)$$

$$\Rightarrow \hat{AOE} = \hat{EOC} \text{ (2 góc t/ứng)}$$

$\Rightarrow$ OE là phân giác của $\angle xOy$

Phiếu học tập

Bài tập 1.

Cho hàm số $y = (-1/3)x$

a) Vẽ đồ thị hàm số

b) Các điểm A (-4;1) B(6;2) P(9;3) điểm nào thuộc đồ thị

Bài tập 2. Cho tam giác ABC có $\hat{B} = \hat{C}$. Tia phân giác của góc A cắt BC tại D.

Chứng minh rằng: $\triangle ADB = \triangle ADC$.

Bài tập 3. Cho tam giác ABC, M là trung điểm của AB. Từ M kẻ đường thẳng song song với BC cắt AC tại N. Lấy E trên đường thẳng MN sao cho N là trung điểm của ME. Chứng minh rằng:

a) $\triangle AMN = \triangle CEN$ và $CE = MB$.

b) $\triangle BMC = \triangle ECM$ và $MN \parallel BC$; $MN = \frac{1}{2} BC$.

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ: SỬ - GDCD

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 7
(Từ ngày 20/12/2021 đến 25/12/2021)

TUẦN 16

A. LÝ THUYẾT:

Chủ đề 5: NƯỚC ĐẠI VIỆT DƯỚI THỜI NHÀ TRẦN
Nội dung 3: SỰ SUY SỤP CỦA NHÀ TRẦN CUỐI THẾ KỈ XIV

II. Nhà Hồ và cải cách của Hồ Quý Ly

1. Nhà Hồ thành lập (1400)

- Các cuộc khởi nghĩa của nông dân đã làm cho nhà Trần suy yếu
- Năm 1400, Hồ Quý Ly phế truất vua Trần và lên làm vua, lập ra nhà Hồ.
- Quốc hiệu Đại Việt đổi thành Đại Ngu

2. Những cải cách của Hồ Quý Ly:

*** Về chính trị :**

- Thay thế các võ quan cao cấp do họ nhà Trần nắm giữ
- Đổi tên một số đơn vị hành chính cấp trấn và quy định cách làm việc của bộ máy chính quyền các cấp
- Cử quan lại triều đình về các lộ để nắm sát tình hình.

*** Về kinh tế - tài chính:**

- Phát hành tiền giấy thay cho tiền đồng
- Ban hành chính sách “hạn điền”
- Quy định lại biểu thuế đinh, thuế ruộng.

*** Về xã hội:** Ban hành chính sách “hạn nô”.

*** Về văn hóa, giáo dục :**

- Bắt các nhà sư dưới 50 tuổi phải hoàn tục
- Dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm.
- yêu cầu mọi người phải học.

*** Về quân sự:** Thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường củng cố quân sự và quốc phòng.

3. Ý nghĩa, tác dụng của cải cách Hồ Quý Ly:

*** Ý nghĩa:**

- Góp phần hạn chế nạn tập trung ruộng đất của quý tộc, địa chủ
- Làm suy yếu thế lực tôn thất nhà Trần
- Tăng cường nguồn thu nhập và tăng cường quyền lực của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền
- Cải cách văn hóa, giáo dục có nhiều tiến bộ.

*** Mặt hạn chế :**

- Một số chính sách chưa triệt để, chưa phù hợp với thực tế
- Chính sách cải cách chưa giải quyết được những yêu cầu bức thiết của nhân dân

II. BÀI TẬP VẬN DỤNG:

Câu 1: Ý nào dưới đây không phải nguyên nhân khiến nhà Trần suy yếu?

- A. Nhà nước không chăm lo phát triển nông nghiệp.
- B. Chiến tranh nông dân nổi ra chống lại triều đình.
- C. Nhà Minh gây đưa ra các yêu sách ngang ngược, phía Nam Cham-pa gây xung đột.
- D. Nhà Minh tiến hành chiến tranh xâm lược.**

Hiển thị đáp án

Câu 2: Ý nào dưới đây không phải nguyên nhân nào dân tới sự bùng nổ các cuộc khởi nghĩa nông dân nửa cuối thế kỉ XIV?

- A. Nhà nước không quan tâm đến sản xuất nên nhiều năm bị mất mùa đói kém.
- B. Vua, quan, quý tộc nhà Trần chỉ lo ăn chơi sa đọa và bóc lột nhân dân.**
- C. Nông dân nổi dậy để chống lại các cuộc tấn công của Cham-pa và các yêu sách ngang ngược của nhà Minh.
- D. Triều đình thu tô thuế nặng nề.

Hiển thị đáp án

Câu 3: Di tích thành nhà Hồ (Thanh Hóa) gắn với sự kiện nào?

- A. Chiến tranh giữa các thế lực của quý tộc nhà Trần với lực lượng của Hồ Quý Ly.
- B. Hồ Quý Ly phế truất vua Trần và lên làm vua, lập ra nhà Hồ.
- C. Hồ Quý Ly thực hiện những biện pháp nhằm tăng cường củng cố quân sự và quốc phòng.**
- D. Nhà Minh chuẩn bị xâm lược, Hồ Quý Ly cho gấp rút xây dựng thành nhà Hồ.

Hiển thị đáp án

Câu 4: Hồ Quý Ly có những cải cách gì về chính trị?

- A. Đổi tên một số đơn vị hành chính cấp trấn và quy định cụ thể, rõ ràng cách làm việc của bộ máy chính quyền các cấp.**
- B. Phân chia lại các đơn vị hành chính trong toàn quốc và quy định công việc cụ thể của bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương.
- C. Thay đổi toàn bộ các quan lại trong triều bằng những người họ hàng thân thích của mình.
- D. Lược bỏ các đơn vị hành chính cấp địa phương như huyện, xã.

Câu 5: Hồ Quý Ly có những cải cách gì về kinh tế?

- A. Chia lại ruộng đất cho tất cả mọi người từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, già trẻ.
- B. Phát hành tiền giấy thay thế tiền đồng, ban hành chính sách hạn điền, quy định lại biểu thuế đinh, thuế ruộng.**
- C. Quy định lại biểu thuế đinh tất cả những người có ruộng và không có ruộng đều phải nộp.
- D. Quy định lại việc sở hữu ruộng đất của toàn dân, mỗi người chỉ được sở hữu không quá 10 mẫu, kể cả Đại vương và Trưởng công chúa.

Câu 6: Hồ Quý Ly có những cải cách gì về xã hội và văn hóa, giáo dục?

- A. Ban hành chính sách hạn chế số nô tì được nuôi của các vương hầu, quý tộc và quan lại. Bắt các nhà sư chưa đến 50 tuổi phải hoàn tục.
- B. Giải phóng cho các nô tì được nuôi của các vương hầu, quý tộc và quan lại. Sửa đổi cả nội dung học tập và chế độ thi cử theo nhà Minh.
- C. Sửa đổi chế độ thi cử, học tập. Dịch các sách Hán ra chữ Nôm.

D. Cả A và C.

Câu 7: Nhà Hồ được thành lập năm bao nhiêu?

A. Năm 1399

B. Năm 1400

C. Năm 1406

D. Năm 1407

Câu 8: Tên gọi của nước ta dưới thời Hồ là gì?

A. Đại Việt

B. Đại Nam

C. Đại Ngu

D. Đại Cồ Việt

Câu 9: Cải cách của Hồ Quý Ly có tác dụng như thế nào?

A. Không có tác dụng, đất nước vẫn khủng hoảng.

B. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

C. Đưa đất nước phát triển mạnh mẽ.

D. Không có tác dụng, tình trạng khủng hoảng ngày càng trầm trọng.

Câu 10 : Điểm hạn chế của cải cách Hồ Quý Ly là gì?

A. Thế lực của họ Trần vẫn không suy giảm.

B. Chưa có những chính sách để phát triển văn hóa, giáo dục.

C. Tình trạng phân quyền ở trung ương ngày càng rõ rệt.

D. Gia nô, nô tì chưa được giải phóng, chưa phù hợp tình hình thực tế.

-Hết-

C. DẶN DÒ

- **HỌC THUỘC BÀI CŨ**
- **HOÀN THÀNH PHIẾU BÀI TẬP**
- **ĐỌC TRƯỚC BÀI MỚI**

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Phương: 0909748238

Thầy Phách: 0908787875

Cô Hằng: 0981678786

Thầy Chính: 0967293940

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 7 – WEEK 16 (TỪ 20/12 ĐẾN 25/12)

ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I – LỚP 7

I. PRONUNCIATION OF “-s / -es” (Phát âm s/es):

/ɪz/: s, se, ce, x, sh, ch, ge, z → Ex: kisses, dances, boxes, roses, dishes, changes, ...

/s/: t, p, k, f, th → Ex: develops, books, laughs, meets, months...

/z/: còn lại (m, n, b, d, o, a, i, u, e ...) → Ex: birds, lives, things, rooms ...

- | | | | |
|-------------------------|----------------------|---------------------|---------------------|
| 1. A. meet <u>s</u> | B. month <u>s</u> | C. see <u>s</u> | D. cook <u>s</u> |
| 2. A. laugh <u>s</u> | B. brother <u>s</u> | C. sign <u>s</u> | D. job <u>s</u> |
| 3. A. reader <u>s</u> | B. parent <u>s</u> | C. room <u>s</u> | D. see <u>s</u> |
| 4. A. river <u>s</u> | B. grow <u>s</u> | C. rack <u>s</u> | D. photo <u>s</u> |
| 5. A. table <u>s</u> | B. sink <u>s</u> | C. day <u>s</u> | D. chair <u>s</u> |
| 6. A. job <u>s</u> | B. miss <u>s</u> | C. pictur <u>s</u> | D. open <u>s</u> |
| 7. A. dance <u>s</u> | B. invit <u>s</u> | C. dish <u>s</u> | D. teach <u>s</u> |
| 8. A. stove <u>s</u> | B. parent <u>s</u> | C. book <u>s</u> | D. month <u>s</u> |
| 9. A. miss <u>s</u> | B. fix <u>s</u> | C. tak <u>s</u> | D. wash <u>s</u> |
| 10. A. address <u>s</u> | B. applianc <u>s</u> | C. magazin <u>s</u> | D. rehears <u>s</u> |
| 11. A. essay <u>s</u> | B. event <u>s</u> | C. tak <u>s</u> | D. nurs <u>s</u> |
| 12. A. marbl <u>s</u> | B. shelv <u>s</u> | C. class <u>s</u> | D. tabl <u>s</u> |
| 13. A. see <u>s</u> | B. pool <u>s</u> | C. sport <u>s</u> | D. train <u>s</u> |
| 14. A. play <u>s</u> | B. world <u>s</u> | C. tub <u>s</u> | D. shift <u>s</u> |
| 15. A. join <u>s</u> | B. call <u>s</u> | C. enjoy <u>s</u> | D. chat <u>s</u> |

II. STRESS (Trong âm):

1. Những danh từ và tính từ có hai âm tiết, trọng âm thường rơi vào âm tiết thứ nhất:

Ví dụ:

Noun: 'teacher, 'flower, 'village, 'children.....

Adjective: 'current, 'nervous, 'happy

Trường hợp ngoại lệ: gui'tar, 'ma'chine, i'dea, po'lice

2. Những động từ có hai âm tiết, trọng âm thường rơi vào âm tiết thứ hai:

Ví dụ:

de'cide, pre'fer, be'gin, re'ceive, in'vite ...

Ngoại lệ: 'finish, 'enter

3. Những từ có tận cùng bằng đuôi: “er”; “or”; “ic”; “ious” “ion”, trọng âm thường rơi vào âm trước đó.

Ví dụ:

'farmer, 'doctor, 'comic, de'licious, 'fashion ...

4. Những từ được tạo thành bởi hai gốc từ, trọng âm thường rơi vào gốc đầu:

Ví dụ:

'homework, 'household, 'dishwasher, 'classroom, 'blackboard, 'raincoat...

- | | | | |
|------------------|--------------|---------------|---------------|
| 1. A. movie | B. novel | C. collection | D. dishwasher |
| 2. A. Physics | B. English | C. Biology | D. Chemistry |
| 3. A. number | B. dryer | C. picture | D. event |
| 4. A. boring | B. happy | C. relax | D. awful |
| 5. A. enjoy | B. reader | C. picture | D. comic |
| 6. A. finish | B. invite | C. receive | D. repair |
| 7. A. open | B. begin | C. player | D. baseball |
| 8. A. collect | B. decide | C. visit | D. contain |
| 9. A. doctor | B. address | C. bedroom | D. teacher |
| 10. A. farmer | B. homework | C. birthday | D. guitar |
| 11. A. happy | B. bathroom | C. shower | D. machine |
| 12. A. lazy | B. nervous | C. early | D. repair |
| 13. A. receive | B. household | C. dinner | D. Science |
| 14. A. kitchen | B. recess | C. morning | D. teacher |
| 15. A. collector | B. teenager | C. vacation | D. apartment |

III. TRUE/ FALSE

Read the following letter. Decide if the statements from to are True or False, and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions.

A. Minh is my new classmate. He is staying with his brother in Ha Noi, but his parents still live in their hometown, Hue. His new house is smaller than his family's house in Hue and it is on Hai Ba Trung Street. It is about 3 kilometers from his house to his school. Every morning, Minh goes to school by bike. Minh is **unhappy** because he doesn't have many friends in Ha Noi. He also misses his parents and his friends in Hue.

➤ TRUE OR FALSE

1. Minh is a new student of my school.
2. His family house is on Hai Ba Trung Street.
3. Minh rides his bike to school every Monday morning.
4. He has few friends in Ha Noi.

➤ MULTIPLE CHOICE

5. The house in Hue is..... than the house in Ha Noi.
A. smaller B. more big C. bigger D. small
6. The word "**unhappy**" in the fourth line means :
A. fun B. sad C. different D. full

B. Thanh is twelve years old. He lives with his parents in Ho Chi Minh City. His address is 10 Tran Phu Street. 0906 528 723 is his telephone number. He will be thirteen on next birthday. It's on Sunday,

April 9th . He will have a small party for his birthday. He will invite some classmates to his house. They will eat cakes and sweets. And they will have lots of fun. This evening, he is planning his party. At the moment, he is writing some invitation cards.

➤ **TRUE OR FALSE**

1. Thanh lives at 10 Tran Phu Street.
2. The telephone number of his home is 0906 528 723.
3. His birthday party will be big.
4. He will give invitation cards to his classmates.

➤ **MULTIPLE CHOICE**

5. Thanh's party will be at his.....
 A. house B. room C. school D. restaurant
6. The party will have
 A. fun and cake B. cake and sweet C. fun and sweet D. cakes and sweets

C. Lan lives with her parents and her brother. Her father is a doctor. Her works in a hospital. He **takes care of** sick children. Her mom is a English teacher. She teaches in a high school. Lan's brother is older than she. His name is Son and he works as a journalist. He writes for The Youth newspaper.

➤ **TRUE OR FALSE**

1. There are four people in Lan's family
 2. Her mom teaches English.
 3. Lan has a younger brother.
 4. His brother is a doctor.

➤ **MULTIPLE CHOICE**

5. The phrase “ takes care of” in the second line means :
 A. looks after B. look for C. takes part in D. careful
6. Lan's brother writes for.....
 A. The Young newspaper B. The Youth magazine
 C. The Youth newspaper D. The Young magazine

D. Hello! My name is Yoko and I'm from Japan. This is my school. We go to school by car. School starts at half past eight and finishes at three o'clock. After school, we go to clubs and do more lessons: sports, art and music. At lunchtime we usually have chicken, soup and rice. After lunch we clean the classrooms. We work together in teams so it's good fun. We have playtime twice a day for 25 minutes, one in the morning and one in the afternoon. We play outside in the playground or we stay inside and read books or use computers.

➤ **TRUE OR FALSE**

1. Japanese students go home when the school day ends.
2. Yoko's school begins later than school in Vietnam.
3. In Japan, students have fun working together after lunch.
4. All of the students go into the playground when it's time for play.

➤ **MULTIPLE CHOICE**

5. Japanese students have 25-minute playtime
 a. after each class b. once a day c. in the evening d. twice a day
6. In Japan, the school day lasts
 a. six hours b. six hour and a half c. seven hours d. seven hours and a half

E. Nam's school has a library. It is very large and very nice. There are lots of books, novels, readers, magazines, newspapers, dictionaries, pictures, in the library. There is also a large and comfortable study area. The library opens at 7a.m and closes at 4.30p.m. His house is near his school – about 500 meters, so he goes to the library every afternoon. Now he is sitting in the study area and reading a geography book.

➤ **TRUE OR FALSE**

1. The library in Nam's school is small.
2. The library closes at 4.30 p.m
3. Nam often goes to the library.
4. The study area is very modern.

➤ **MULTIPLE CHOICE**

5. There are kinds of books in the library.
 A. many B. lot of C. much D. a lot
6. Where is Nam now ?
 A. In his class B. At home C. In the study area D. In his room

F. Hoa's father, Mr. Tuan, is a famer. He works more hours than Tim's father. He usually starts work at six in the morning. He has breakfast, and then he feeds the buffalo, pigs and chickens, and collects the eggs. From about nine in the morning until four in the afternoon, Mr. Tuan works in the fields with his brother. They grow some rice, but their main crop is vegetables. From 12 to 1 o'clock, Mr. Tuan rests and eats lunch. Four or five times a year when there is less work; Mr. Tuan takes a day off. He goes to the city with his wife. A farmer has no real vacations.

➤ **TRUE OR FALSE**

1. Mr. Tuan is a teacher.
2. Mr. Tuan usually starts work at six o' clock.
3. Mr. Tuan work in the field with his sister.
4. Their main crop is rice.

➤ **MULTIPLE CHOICE**

1. When does Mr. Tuan feed the animals?
 A. in the afternoon B. in the morning C. in the evening D. A and C
2. Tim's father works.....hours than Mr. Tuan
 A. more B. less C. few D. fewer

IV. PASSAGES

A. Nga lives in the city ____ (1) ____ her parents and two brothers. She ____ (2) ____ at 14 Nguyen Hue Street. Her telephone number ____ (3) ____ 090 97272. On her next birthday, December 1st, Nga will be 14. She will have a small ____ (4) ____ for her birthday. She will invite some best friends to her house. They will eat cake and sweet. And they will have ____ (5) ____ fun. The party will start at five o'clock ____ (6) ____ finish at nine.

- | | | | |
|-------------|--------------|-----------|---------------|
| 1. A. with | B. in | C. on | D. at |
| 2. A. lives | B. is living | C. live | D. will live |
| 3. A. am | B. be | C. is | D. are |
| 4. A. party | B. gift | C. flower | D. invitation |
| 5. A. a lot | B. lot of | C. some | D. a lot of |
| 6. A. and | B. or | C. to | D. in |

B. Mr. Lien, Hoa's mother, is a doctor. She ____ (1) ____ in a big hospital in the city. She takes care of sick people. She works five days a ____ (2) ____ for about forty hours all days long. Once a week she works on a night shift. She has fewer hours off than Hoa's father, a ____ (3) ____ at a high school. Miss Lien often gets home ____ (4) ____ half past six. She makes dinner with the help of her husband and daughter, Hoa. ____ (5) ____ dinner, she helps Hoa with homework or relaxes by ____ (6) ____ television.

- | | | | |
|-----------------|-------------|---------------|-------------|
| 1. A. work | B. works | C. don't work | D. doesn't |
| 2. A. night | B. year | C. month | D. week |
| 3. A. teacher | B. farmer | C. nurse | D. musician |
| 4. A. at | B. on | C. of | D. from |
| 5. A. Before | B. After | C. During | D. Until |
| 6. A. listening | B. watching | C. playing | D. reading |

C. Students in my school are very interested ____ (1) ____ reading books. They ____ (2) ____ go to the school library which ____ (3) ____ from 7am to 4pm every weekday. The library has a ____ (4) ____ and many shelves containing various kinds of books: readers, novels, reference books, science books.....

In the library, there is always a ____ (5) ____ who helps students find the books they want. The school library is very ____ (6) ____ in developing children's love for books

- | | | | |
|------------------|---------------|---------------|----------------|
| 1. A. to | B. On | C. in | D. at |
| 2. A. never | B. usually | C. hardly | D. not |
| 3. A. opens | B. closes | C. ends | D. begins |
| 4. A. study work | B. study area | C. study book | D. study table |
| 5. A. teacher | B. gymnast | C. librarian | D. assistant |
| 6. A. use | B. useless | C. useful | D. using |

D. At school we _____ (1) _____ many things. In Literature, we learn about _____ (2) _____ books and write essays. In History, we study past and present _____ (3) _____ in Vietnam and around the world. In _____ (4) _____, we study different countries and their people.

In Physics, we learn about _____(5) things work. In the language class, we study English. We study _____(6) other things as well, such as Music, Sports and Art. We enjoy all of our classes.

- | | | | |
|-----------------|------------|------------|-----------|
| 1. A. have | B. study | C. do | D. make |
| 2. A. with | B. at | C. about | D. on |
| 3. A. events | B. things | C. classes | D. names |
| 4. A. Geography | B. Physics | C. Biology | D. Math |
| 5. A. when | B. what | C. how | D. where |
| 6. A. much | B. any | C. many | D. little |

E. The students of class 7A enjoy different ____ (1) ____ after school hours. Acting is Nga's favorite ____ (2) ____ . She is a member of the school theater group. At present, her group is ____ (3) ____ a play for the school anniversary celebration.

Ba is the president of the stamp ____ (4) ____ club . ____ (5) ____ Wednesday afternoons , he and his friends get ____ (6) ____ and talk about their stamps

- | | | | |
|-------------------|-----------------|---------------|---------------|
| 1. A. activity | B. things | C. activities | D. playing |
| 2. A. pastime | B. relax | C. hobby | D. game |
| 3. A. practicing | B. rehearsing | C. playing | D. doing |
| 4. A. collector's | B. collection's | C. collector | D. collection |
| 5. A. on | B. in | C. at | D. at |
| 6. A. other | B. another | C. together | D. others |

F. Hoa is a ____ (1) ____ student in grade 7. She has five ____ (2) ____ a day, six days a week that is about 20 hours a week -fewer hours than any worker. But that is not all. Hoa is a keen student and she studies hard. She has about 12 hours of ____ (3) ____ every week. She also has ____ (4) ____ her work ____ (5) ____ tests. This makes her working week about 45 hours. This is more than some workers. Student like Hoa are ____ (6) ____ not lazy!

- | | | | |
|-----------------|---------------|----------------|------------|
| 1. A. typical | B. lazy | C. terrible | D. bad |
| 2. A. teams | B. periods | C. instruments | D. models |
| 3. A. games | B. appliances | C. homework | D. bells |
| 4. A. review | B. reviewing | C. to review | D. reviews |
| 5. A. in | B. during | C. after | D. before |
| 6. A. excitedly | B. definitely | C. lovely | D. hardly |

V. TRANSFORMATION

Dạng 1: Câu cảm thán What + a/an + adj + N (đếm được, số ít) !

What + adj + N (không đếm được, số nhiều) !

1. The room is very beautiful.
→ What.....!
2. That day is very awful.
→ What.....!
3. The dress is very expensive.
→ What.....!
4. The weather is cold.
→ What.....!
5. These books are interesting.
→ What.....!

Dạng 2: S+ enjoy(s)/ like(s) + V.ing/ N

S + am/is/are + interested in + V.ing/ N

1. Hoa enjoys playing the piano.
→ Hoa is.....
2. Tam likes computer very much.
→ Tam is.....
3. I enjoy listening to music.
→ I am.....
4. They are interested in reading comics.
→ They.....
5. We are interested in pop music.
→ We.....

Dạng 3: take(s) part in / join(s) in / a member of (tham gia vào/ thành viên của)

1. Nam takes part in the school soccer team.
Nam is.....
2. Hoa joins in the school theater group.
Hoa is.....
3. Tri is a member of the school volleyball team.

Tri takes.....

4. My brother is a member of the stamp collector's club.

My brother.....

5. Nga takes part in an English club.

Nga

Dạng 4: S+ V + **more + Nouns** + **than** + N/Pro : so sánh nhiều hơn

S + V + (**fewer + Nouns**) / (**less + uncountable noun**) + **than** + N/ Pro : so sánh ít hơn

1. Mr. Tuan has more days off than Mr. Hung.

→ Mr.Hung

2. February has fewer days than March.

→ March.....

3. Tim's father has more holidays than Hoa's father.

→ Hoa's father.....

4. Mai drinks less orange juice than Lan.

→ Lan drinks.....

5. Van drinks more milk than her sister.

→ Her sister drinks.....

Dạng 5:

1. He has a tour that lasts six days.

→ He has a.....

2. They have a break that lasts fifteen minutes.

→ They have a.....

3. They will have a trip that lasts for two weeks.

→ They will have a

4. We have a class that lasts two periods.

→ We have a.....

5. They have a break that lasts fifteen minutes.

→ They have a.....

MỌI THẮC MẮC PHỤ HUYNH LIÊN HỆ : CÔ NGUYỄN (0939419779) CÔ DIỄM (0963282231)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 7 – WEEK 16 (TỪ 20/12 ĐẾN 25/12)

PHIẾU TỰ HỌC-TIẾNG ANH 7

I. PRONUNCIATION OF “-s / -es” (Phát âm s/es):

/iz/: s, se, ce, x, sh, ch, ge, z → Ex: kissess, dancess, boxess, rosess, dishess, changess, ...

/s/: t, p, k, f, th → Ex: developss, bookss, laughss, meetss, monthss...

/z/: còn lại (m, n, b, d, o, a, i, u, e ...) → Ex: birdss, livess, thingss, roomss ...

- | | | | |
|---------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. A. meets <u>s</u> | B. months <u>s</u> | C. sees <u>s</u> | D. cooks <u>s</u> |
| 2. A. laughs <u>s</u> | B. brothers <u>s</u> | C. signs <u>s</u> | D. jobs <u>s</u> |
| 3. A. readers <u>s</u> | B. parents <u>s</u> | C. rooms <u>s</u> | D. sees <u>s</u> |
| 4. A. rivers <u>s</u> | B. grows <u>s</u> | C. racks <u>s</u> | D. photos <u>s</u> |
| 5. A. tables <u>s</u> | B. sinks <u>s</u> | C. days <u>s</u> | D. chairs <u>s</u> |
| 6. A. jobs <u>s</u> | B. misses <u>s</u> | C. pictures <u>s</u> | D. opens <u>s</u> |
| 7. A. dances <u>s</u> | B. invites <u>s</u> | C. dishes <u>s</u> | D. teaches <u>s</u> |
| 8. A. stoves <u>s</u> | B. parents <u>s</u> | C. books <u>s</u> | D. months <u>s</u> |
| 9. A. misses <u>s</u> | B. fixes <u>s</u> | C. takes <u>s</u> | D. washes <u>s</u> |
| 10. A. addresses <u>s</u> | B. appliances <u>s</u> | C. magazines <u>s</u> | D. rehearses <u>s</u> |
| 11. A. essays <u>s</u> | B. events <u>s</u> | C. takes <u>s</u> | D. nurses <u>s</u> |
| 12. A. marbles <u>s</u> | B. shelves <u>s</u> | C. classes <u>s</u> | D. tables <u>s</u> |
| 13. A. sees <u>s</u> | B. pools <u>s</u> | C. sports <u>s</u> | D. trains <u>s</u> |
| 14. A. plays <u>s</u> | B. worlds <u>s</u> | C. tubs <u>s</u> | D. shifts <u>s</u> |
| 15. A. joins <u>s</u> | B. calls <u>s</u> | C. enjoys <u>s</u> | D. chats <u>s</u> |

II. TRUE/ FALSE

Read the following letter. Decide if the statements from to are True or False, and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions.

A. Minh is my new classmate. He is staying with his brother in Ha Noi, but his parents still live in their hometown, Hue. His new house is smaller than his family's house in Hue and it is on Hai Ba Trung Street. It is about 3 kilometers from his house to his school. Every morning, Minh goes to school by bike. Minh is **unhappy** because he doesn't have many friends in Ha Noi. He also misses his parents and his friends in Hue.

➤ **TRUE OR FALSE**

- | | |
|--|-------|
| 1. Minh is a new student of my school. | |
| 2. His family house is on Hai Ba Trung Street. | |
| 3. Minh rides his bike to school every Monday morning. | |
| 4. He has few friends in Ha Noi. | |

➤ **MULTIPLE CHOICE**

5. The house in Hue is..... than the house in Ha Noi.
A. smaller B. more big C. bigger D. small
6. The word “**unhappy**” in the fourth line means :
A. fun B. sad C. different D. full

B. Thanh is twelve years old. He lives with his parents in Ho Chi Minh City. His address is 10 Tran Phu Street. 0906 528 723 is his telephone number. He will be thirteen on next birthday. It's on Sunday, April 9th . He will have a small party for his birthday. He will invite some classmates to his house. They will eat cakes and sweets. And they will have lots of fun. This evening, he is planning his party. At the moment, he is writing some invitation cards.

➤ **TRUE OR FALSE**

1. Thanh lives at 10 Tran Phu Street.
2. The telephone number of his home is 0906 528 723.
3. His birthday party will be big.
4. He will give invitation cards to his classmates.

➤ **MULTIPLE CHOICE**

5. Thanh's party will be at his.....
A. house B. room C. school D. restaurant
6. The party will have
A. fun and cake B. cake and sweet C. fun and sweet D. cakes and sweets

C. Lan lives with her parents and her brother. Her father is a doctor. Her works in a hospital. He **takes care of** sick children. Her mom is a English teacher. She teaches in a high school. Lan's brother is older than she. His name is Son and he works as a journalist. He writes for The Youth newspaper.

➤ **TRUE OR FALSE**

1. There are four people in Lan's family
2. Her mom teaches English.
3. Lan has a younger brother.
4. His brother is a doctor.

➤ **MULTIPLE CHOICE**

5. The phrase “takes care of” in the second line means :
A. looks after B. look for C. takes part in D. careful
6. Lan’s brother writes for.....
A. The Young newspaper B. The Youth magazine
C. The Youth newspaper D. The Young magazine

III. TRANSFORMATION

Dạng 1: Câu cảm thán **What + a/an + adj + N (đếm được, số ít) !**
What + adj + N (không đếm được, số nhiều) !

1. The room is very beautiful.
→ What.....!

2. That day is very awful.
→What.....!
3. The dress is very expensive.
→What.....!
4. The weather is cold.
→What.....!
5. These books are interesting.
→What.....!

Dạng 2: **S+ enjoy(s)/ like(s) + V.ing/ N**
 S + am/is/are + interested in + V.ing/ N

1. Hoa enjoys playing the piano.
→ Hoa is.....
2. Tam likes computer very much.
→ Tam is.....
3. I enjoy listening to music.
→ I am.....
4. They are interested in reading comics.
→ They.....
5. We are interested in pop music.
→ We.....